

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

Số: 1695/KH-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Gia Lai, ngày 03 tháng 9 năm 2018

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Căn cứ Quyết định số 622/QĐ-TTg ngày 10/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững;

Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững trên địa bàn tỉnh Gia Lai, với những nội dung chủ yếu như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Xác định nhiệm vụ, trách nhiệm cụ thể của các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội trong việc chỉ đạo, điều hành thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đề ra tại kế hoạch này.

2. Yêu cầu

Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội tập trung xây dựng kế hoạch, các giải pháp cụ thể, thiết thực, hiệu quả, phát huy dân chủ, huy động mọi nguồn lực để thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững.

II. CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG ĐẾN NĂM 2030

1. Mục tiêu tổng quát

Duy trì tăng trưởng kinh tế bền vững đi đôi với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường sinh thái, quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu; bảo đảm mọi người dân được phát huy mọi tiềm năng, tham gia và thụ hưởng bình đẳng mọi thành quả của phát triển; xây dựng xã hội hòa bình, thịnh vượng, dân chủ, công bằng, văn minh và bền vững. Phấn đấu xây dựng Gia Lai sớm trở thành trung tâm khu vực Bắc Tây Nguyên và vùng động lực trong Tam giác phát triển ba nước Việt Nam - Lào - Campuchia.

2. Các mục tiêu phát triển bền vững đến năm 2030

- Mục tiêu 1. Chấm dứt mọi hình thức nghèo ở mọi nơi.

- Mục tiêu 2. Xóa đói, đảm bảo an ninh lương thực, cải thiện dinh dưỡng và thúc đẩy phát triển nông nghiệp bền vững.

- Mục tiêu 3. Bảo đảm cuộc sống khỏe mạnh và tăng cường phúc lợi cho mọi người ở mọi lứa tuổi.
- Mục tiêu 4. Đảm bảo nền giáo dục có chất lượng, công bằng, toàn diện và thúc đẩy các cơ hội học tập suốt đời cho tất cả mọi người.
- Mục tiêu 5. Đạt được bình đẳng giới; tăng quyền và tạo cơ hội cho phụ nữ và trẻ em gái.
- Mục tiêu 6. Đảm bảo đầy đủ và quản lý bền vững tài nguyên nước và hệ thống vệ sinh cho tất cả mọi người.
- Mục tiêu 7. Đảm bảo khả năng tiếp cận nguồn năng lượng bền vững, đáng tin cậy và có khả năng chi trả cho tất cả mọi người.
- Mục tiêu 8. Đảm bảo tăng trưởng kinh tế bền vững, toàn diện, liên tục; tạo việc làm đầy đủ, năng suất và việc làm tốt cho tất cả mọi người.
- Mục tiêu 9. Xây dựng cơ sở hạ tầng có khả năng chống chịu cao, thúc đẩy công nghiệp hóa bao trùm và bền vững, tăng cường đổi mới.
- Mục tiêu 10. Giảm bất bình đẳng trong xã hội.
- Mục tiêu 11. Phát triển đô thị, nông thôn bền vững, có khả năng chống chịu; đảm bảo môi trường sống và làm việc an toàn; phân bổ hợp lý dân cư và lao động theo vùng.
- Mục tiêu 12. Đảm bảo sản xuất và tiêu dùng bền vững.
- Mục tiêu 13. Ứng phó kịp thời, hiệu quả với biến đổi khí hậu và thiên tai.
- Mục tiêu 14. Bảo vệ và phát triển rừng bền vững, bảo tồn đa dạng sinh học, phát triển dịch vụ hệ sinh thái, chống sa mạc hóa, ngăn chặn suy thoái và phục hồi tài nguyên đất.
- Mục tiêu 15. Thúc đẩy xã hội hòa bình, dân chủ, công bằng, bình đẳng, văn minh vì sự phát triển bền vững, tạo khả năng tiếp cận công lý cho tất cả mọi người; xây dựng các thể chế hiệu quả, có trách nhiệm giải trình và có sự tham gia ở các cấp.
- Mục tiêu 16. Tăng cường phương thức thực hiện và thúc đẩy đối tác toàn cầu vì sự phát triển bền vững.

III. NHIỆM VỤ VÀ PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN

Nhiệm vụ cụ thể theo Phụ lục đính kèm.

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Nâng cao nhận thức và hành động của cán bộ, đảng viên, công nhân viên chức và nhân dân về phát triển bền vững và các mục tiêu phát triển bền vững.
2. Huy động sự tham gia của cả hệ thống chính trị, các cấp, các ngành, địa phương, cộng đồng doanh nghiệp, tổ chức chính trị - xã hội, cộng đồng dân cư, các đối tác phát triển trong thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững.

Tăng cường vai trò của Đoàn Đại biểu Quốc hội địa phương, Hội đồng nhân dân, Ủy ban Mật trận tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội trong việc giám sát thực

hiện và phản biện xã hội trong quá trình triển khai thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững.

3. Tăng cường và huy động các nguồn tài chính từ ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác để triển khai thực hiện Kế hoạch hành động này:

- Tăng cường nguồn lực tài chính công thông qua việc nâng cao hiệu quả hệ thống thuế, tiết kiệm chi tiêu công; đổi mới quản lý tài chính công theo hướng công khai, minh bạch.

- Huy động các nguồn lực xã hội cho thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững. Trong xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm của các cấp, bên cạnh nguồn vốn từ ngân sách nhà nước, tập trung huy động các nguồn lực xã hội khác, đặc biệt từ khu vực doanh nghiệp, khu vực tư nhân cho thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững.

- Triển khai thực hiện hiệu quả các cơ chế, chính sách của nhà nước để huy động các nguồn tài chính, đặc biệt là nguồn tài chính từ khu vực tư nhân để thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững.

4. Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp, các ngành, sự phối hợp giữa các cơ quan chủ trì và cơ quan phối hợp, các tổ chức chính trị - xã hội, cộng đồng doanh nghiệp và các cơ quan, đơn vị liên quan trong việc thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững để bảo đảm tính tích hợp và lòng ghép của các mục tiêu.

5. Đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, lăng phí; tăng cường kỷ luật, kỷ cương; thực hiện tốt việc công khai, minh bạch trong sử dụng ngân sách nhà nước và phân bổ nguồn lực.

6. Tăng cường công tác đối ngoại và xúc tiến đầu tư; tích cực tham gia và tổ chức các hoạt động chia sẻ, học tập kinh nghiệm và nâng cao năng lực thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững.

Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn hỗ trợ của các tổ chức trong và ngoài nước cho việc thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững của tỉnh.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội căn cứ phân công nhiệm vụ tại kế hoạch này và theo chức năng, nhiệm vụ, tình hình địa phương, đơn vị xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể tổ chức thực hiện; định kỳ hàng năm báo cáo kết quả thực hiện về UBND tỉnh (qua Sở Kế hoạch và Đầu tư) trước ngày 30 tháng 11 hàng năm.

2. Giám đốc các sở, thủ trưởng các ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tổ chức triển khai và kết quả thực hiện Kế hoạch hành động của tỉnh và các mục tiêu phát triển bền vững đến năm 2030.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, tổ chức có liên quan triển khai thực hiện Kế hoạch hành động, tập trung vào các nội dung chủ yếu sau:

- Lồng ghép các mục tiêu phát triển bền vững trong quá trình xây dựng và thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hằng năm.

- Xây dựng và ban hành hướng dẫn lồng ghép các mục tiêu phát triển bền vững vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của sở, ban, ngành, địa phương; hướng dẫn thực hiện giám sát, đánh giá các mục tiêu phát triển bền vững.

- Xây dựng kế hoạch huy động các nguồn lực trong và ngoài nước, bao gồm cả nguồn lực từ xã hội, khu vực tư nhân, nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), nguồn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) và các nguồn quốc tế khác; tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ nguồn lực ưu tiên cho thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững và thực hiện Kế hoạch hành động này.

- Tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh định kỳ báo cáo Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững trên địa bàn tỉnh Gia Lai gửi UBND tỉnh trước ngày 10 tháng 12 hàng năm.

4. Cục Thống kê tỉnh căn cứ vào hệ thống chỉ tiêu thống kê phát triển bền vững của quốc gia, tham mưu xây dựng hệ thống chỉ tiêu thống kê phát triển bền vững của tỉnh; phục vụ giám sát, đánh giá thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững của tỉnh.

5. Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ được giao, các cơ quan, đơn vị xây dựng dự toán chi tiết thực hiện kế hoạch hành động tổng hợp chung vào dự toán chi ngân sách hàng năm gửi Sở Tài chính thẩm định, tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

6. Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Giáo dục và Đào tạo, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh chịu trách nhiệm tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức của xã hội về phát triển bền vững, Kế hoạch hành động quốc gia và tình hình thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững của tỉnh.

7. Các sở, ngành, địa phương và các cơ quan, tổ chức có liên quan:

- Lồng ghép và thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững trong các quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm của ngành, địa phương.

- Phối hợp với Cục Thống kê tỉnh xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu phục vụ giám sát, đánh giá thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững.

- Các sở, ban, ngành căn cứ phân công nhiệm vụ tại Kế hoạch này, hướng dẫn cụ thể hóa các nội dung, mục tiêu của Kế hoạch này đến các huyện, thị xã, thành phố để triển khai thực hiện.

- Đẩy mạnh công tác giáo dục, truyền thông nhằm nâng cao nhận thức của toàn xã hội về phát triển bền vững.

- Giám sát, đánh giá các mục tiêu phát triển bền vững được phân công chủ trì và phối hợp; đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững được phân công báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh đồng gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp.

8. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội, cộng đồng doanh nghiệp chủ động tham gia thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững và

Kế hoạch hành động trong phạm vi chức năng, hoạt động của mình và theo sự phân công trong Kế hoạch hành động; đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch hành động báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp báo cáo.

Nơi nhận

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (b/c);
- T/T Tỉnh ủy, T/T HĐND tỉnh (b/c),
- Mặt trận và các đoàn thể;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các thành viên UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành trực thuộc tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu VT, Website, KTTH, CV các khối

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Võ Ngọc Thành



CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG, NHIỆM VỤ VÀ PHÂN CÔNG

TRONG KHẨU THỰC HIỆN

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 05/KH-UBND ngày 03/8/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)

Nhiệm vụ	Phân công trách nhiệm
Mục tiêu 1: Chấm dứt mọi hình thức nghèo ở mọi nơi	
Mục tiêu 1.1: Đến năm 2020, tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh (theo chuẩn nghèo giai đoạn 2016-2020) giảm còn dưới 6,55%; định hướng đến năm 2025 giảm tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số xuống dưới 5% so với tổng số dân tộc thiểu số toàn tỉnh.	
<ul style="list-style-type: none">- Triển khai thực hiện các chương trình, chính sách về giảm nghèo: Nghị quyết 05-NQ/TU 12/4/2017 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về giảm nhanh và bền vững tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2020 và định hướng đến năm 2025; Chương trình hành động của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết 05-NQ/TU ngày 12/4/2017 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.- Huy động nguồn lực đầu tư; thực hiện tốt chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững; hỗ trợ phát triển sản xuất cho hộ nghèo, xã nghèo, xã đặc biệt khó khăn, làng đặc biệt khó khăn; thực hiện định canh định cư bền vững; phấn đấu 100% hộ nghèo có nhu cầu và đủ điều kiện vay vốn được vay; 100% hộ nghèo và cận nghèo được cấp thẻ BHYT; 100% hộ nghèo có nhu cầu được trợ giúp pháp lý.- Tập trung thực hiện tốt công tác rà soát hộ nghèo hàng năm, kịp thời để tham mưu các giải pháp công tác giảm nghèo trên địa bàn tỉnh. Thực hiện có hiệu quả các chương trình, mô hình giảm nghèo bền vững. Tạo điều kiện thuận lợi cho người nghèo tiếp cận các nguồn vốn, hỗ trợ dịch vụ khuyến nông, khuyến công và chuyền giao kỹ thuật, công nghệ vào sản xuất; thực hiện có hiệu quả chính sách tín dụng ưu đãi đối với hộ nghèo. Đầu mạnh hoạt động xã hội hóa công tác bảo trợ xã hội. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hỗ trợ kinh phí nuôi dưỡng, chăm sóc đối tượng tại các cơ sở bảo trợ xã hội.	<p>Chủ trì: Sở Lao động, Thương binh và Xã hội</p> <p>Phối hợp: Ban dân tộc, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Thông tin và truyền thông, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và UBND các huyện, thị xã, thành phố.</p>

Mục tiêu 1.2: Phát triển hệ thống an sinh xã hội đa dạng, ngày càng mở rộng và có hiệu quả. Nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.

- Thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 22/11/2012 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế giai đoạn 2011 - 2020. Đẩy mạnh tổ chức thực hiện Luật BHYT, BHXH; thực hiện tốt, kịp thời các chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp đối với người lao động. Tăng cường các biện pháp tuyên truyền mở rộng đối tượng tham gia BHYT, BHXH, BHTN. Kiểm tra, giám sát công tác thu, đóng BHXH của các cơ quan, doanh nghiệp để đảm bảo quyền lợi cho người lao động.

- Trên khai thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu phát triển hệ thống trợ giúp xã hội giai đoạn 2016 - 2020: Đề án đổi mới và phát triển trợ giúp xã hội giai đoạn 2016 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

- Thực hiện kịp thời, đầy đủ, đúng các chế độ, chính sách, chương trình, dự án để đảm bảo an sinh xã hội, trợ giúp xã hội. Thực hiện tốt Pháp lệnh ưu đãi người có công, chính sách đối với người có công; quan tâm chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em; chăm sóc và phát huy vai trò người cao tuổi; thực hiện bình đẳng giới và sự tiến bộ của phụ nữ. Thực hiện tốt công tác quy tập và an táng hài cốt liệt sỹ, tôn tạo nghĩa trang liệt sỹ các huyện. Đẩy mạnh phong trào toàn dân tham gia giúp đỡ người neo đơn, người có hoàn cảnh khó khăn hoặc những người gặp rủi ro trong cuộc sống.

Đến năm 2020 xử lý dứt điểm các trường hợp tồn đọng về chính sách người có công qua các thời kỳ: phân đấu không còn hộ gia đình người có công khó khăn về nhà ở, giai đoạn 2016-2020 xây mới 500 căn nhà tình nghĩa, sửa chữa 2.000 căn nhà tình nghĩa.

Chủ trì: Sở Lao động, Thương binh và Xã hội

Phối hợp: Ban dân tộc, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Thông tin và truyền thông, Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Mục tiêu 1.3: Đến năm 2030, đảm bảo tất cả mọi người, đặc biệt là những người nghèo và người dễ bị tổn thương, có quyền bình đẳng đối với các nguồn lực kinh tế, tiếp cận các dịch vụ cơ bản, quyền sử dụng đất đai và tài nguyên thiên nhiên, quyền sở hữu và kiểm soát các dạng tài sản khác, công nghệ mới phù hợp và các dịch vụ tài chính, bao gồm tài chính vi mô

<p>Rà soát, hệ thống hóa văn bản của HĐND và UBND tỉnh ban hành về quyền bình đẳng của mọi người dân, nhất là đối tượng nữ, người nghèo, người dễ bị tổn thương đối với các nguồn lực kinh tế, tiếp cận các dịch vụ cơ bản, quyền sử dụng đất đai và tài nguyên thiên nhiên, quyền sở hữu và kiểm soát các dạng tài sản khác ngay khi có căn cứ rà soát; không bỏ sót văn bản thuộc trách nhiệm rà soát</p> <p>Đôn đốc, hướng dẫn thủ trưởng các cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản của HĐND và UBND tỉnh thực hiện rà soát, hệ thống hóa văn bản về quyền bình đẳng của mọi người dân, nhất là đối tượng nữ, người nghèo, người dễ bị tổn thương đối với các nguồn lực kinh tế, tiếp cận các dịch vụ cơ bản, quyền sử dụng đất đai và tài nguyên thiên nhiên, quyền sở hữu và kiểm soát các dạng tài sản khác</p> <p>Chủ động hoặc kiến nghị kịp thời xử lý kết quả rà soát nhằm góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật hiện hành để đảm bảo quyền bình đẳng của mọi người dân, nhất là đối tượng nữ, người nghèo, người dễ bị tổn thương đối với các nguồn lực kinh tế, tiếp cận các dịch vụ cơ bản, quyền sử dụng đất đai và tài nguyên thiên nhiên, quyền sở hữu và kiểm soát các dạng tài sản khác.</p>	<p>Cơ quan chủ trì: Sở Tư pháp</p> <p>Cơ quan phối hợp: Các Sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Nông nghiệp và PTNT, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Thông tin và Truyền thông, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Công Thương, Giao thông Vận tải, Xây dựng; Ban dân tộc; Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh; các tổ chức chính trị - xã hội; các tổ chức nghề nghiệp; UBND các huyện, thị xã, thành phố.</p>
<p>b.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường sự phối hợp chặt chẽ giữa các sở, ban, ngành, đồng thời huy động sự tham gia của các tổ chức xã hội, phương tiện thông tin đại chúng để tuyên truyền về quyền bình đẳng của người dân trong tiếp cận đối với nguồn lực kinh tế và các dịch vụ cơ bản, quyền sở hữu và kiểm soát các dạng tài sản khác theo quy định của pháp luật. - Tăng cường sự giám sát của các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp; cộng đồng về thực thi pháp luật, xử lý các vi phạm có liên quan. 	<p>Chủ trì: Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh</p> <p>Phối hợp: Các Sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Nông nghiệp và PTNT, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Thông tin và Truyền thông, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Công Thương, Giao thông Vận tải, Xây dựng; Ban dân tộc; Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh; Đài Phát thanh truyền hình tỉnh; Báo Gia Lai; các tổ chức chính trị - xã hội; các tổ chức nghề nghiệp; UBND các huyện, thị xã, thành phố</p>

Mục tiêu 1.4: Đến năm 2030, tăng cường khả năng chống chịu và phục hồi cho người nghèo và những người trong hoàn cảnh dễ bị tổn thương, đồng thời giảm rủi ro và tổn thương của họ do các hiện tượng thời tiết và khí hậu cực đoan, các cú sốc và thảm họa về môi trường, kinh tế, xã hội.

Kiến nghị, đề xuất sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các chính sách hiện hành nhằm tăng cường khả năng chống chịu và phục hồi cho người nghèo và người dễ bị tổn thương trước các hiện tượng thời tiết cực đoan, thiên tai.

Chủ trì: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Phối hợp: Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Tài nguyên - Môi trường, Tư pháp, Sở Y tế, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Mục tiêu 2: Xóa đói, bảo đảm an ninh lương thực, cải thiện dinh dưỡng và thúc đẩy phát triển nông nghiệp bền vững.

Mục tiêu 2.1: Đến năm 2030, chấm dứt tình trạng thiếu đói và đảm bảo tất cả mọi người, đặc biệt những người nghèo và những người dễ bị tổn thương, bao gồm cả người cao tuổi và trẻ sơ sinh, được tiếp cận với thực phẩm an toàn, đủ dinh dưỡng và đầy đủ quanh năm.

a.

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả Chiến lược quốc gia An toàn thực phẩm giai đoạn 2011 - 2020 và tầm nhìn 2030.

- Đẩy mạnh việc thực hiện chính sách pháp luật về quản lý chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm theo Nghị quyết số 34/2009/NQ-QH12 của Quốc hội và Luật An toàn thực phẩm. Tăng cường phối hợp liên ngành trong việc kiểm soát an toàn thực phẩm.

Chủ trì: Sở Y tế

Phối hợp: Sở Nông nghiệp và PTNT; Sở Lao động thương binh và Xã hội; Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và UBND các huyện, thị xã, thành phố.

b.

Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư sản xuất và cung ứng các sản phẩm dinh dưỡng đặc thù hỗ trợ cho vùng nghèo, vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, đặc biệt là phụ nữ có thai, trẻ em dưới 5 tuổi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt và người cao tuổi.

- Đa dạng hóa sản xuất, chế biến và sử dụng các loại thực phẩm sẵn có ở địa phương. Phát triển hệ sinh thái vườn - ao - chuồng, bảo đảm sản xuất, lưu thông, phân phối và sử dụng thực phẩm an toàn.

Chủ trì: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Phối hợp: Sở Công Thương, Sở Y tế, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và UBND các huyện, thị xã, thành phố.

- Khuyến khích nghiên cứu, phát triển và chuyển giao công nghệ và chọn, tạo giống mới có hàm lượng các chất dinh dưỡng thích hợp; Nghiên cứu sản xuất và chế biến các thực phẩm bổ sung, vi chất dinh dưỡng, sản phẩm dinh dưỡng và dinh dưỡng đặc hiệu phù hợp với các đối tượng.

Mục tiêu 2.2: Đến năm 2030 giảm tất cả các hình thức suy dinh dưỡng, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng cho các đối tượng là trẻ em, trẻ em gái vị thành niên, phụ nữ mang thai và đang cho con bú, người cao tuổi .

- Tăng cường công tác truyền thông, giáo dục về dinh dưỡng đối với bà mẹ, trẻ em thông qua hệ thống giáo dục phổ thông, y tế, thông tin truyền thông.
- Thực hiện chăm sóc dinh dưỡng sớm (dinh dưỡng cho phụ nữ trước khi mang thai, trong thời gian mang thai và trẻ em dưới 2 tuổi) theo định hướng dự phòng. Phấn đấu đạt chỉ tiêu tỷ lệ chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng hợp lý cho bà mẹ trước, trong và sau khi sinh con đạt 85%, tỷ lệ nuôi con bằng sữa mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu đạt trên 50% vào năm 2030.
- Tăng cường các giải pháp phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng cho các đối tượng có nguy cơ: bổ sung vitamin A liều cao cho trẻ 6-60 tháng tuổi, bổ sung viên sắt folic/đa vi chất cho phụ nữ có thai, phụ nữ tuổi sinh đẻ và cho trẻ dưới 5 tuổi; bổ sung kẽm cho trẻ bị tiêu chảy, tăng cường vi chất vào thực phẩm.
- Chăm sóc và điều trị cho trẻ bị suy dinh dưỡng: Bổ sung các sản phẩm giàu chất dinh dưỡng cho trẻ suy dinh dưỡng nặng được điều trị trong các cơ sở y tế. Theo dõi biểu đồ tăng trưởng của trẻ dưới 5 tuổi và tư vấn dinh dưỡng giúp trẻ tăng trưởng tốt.
- Kiểm soát tình trạng thừa cân béo phì và các bệnh mạn tính không lây liên quan đến dinh dưỡng.
- Đảm bảo an ninh lương thực hộ gia đình thông qua các biện pháp tăng cường tạo nguồn thực phẩm tại chỗ.

Chủ trì: Sở Y tế

Phối hợp: Sở Nông nghiệp và PTNT; Sở Lao động thương binh và Xã hội; Sở Giáo dục và đào tạo; Sở Thông tin và truyền thông; Ban dân tộc; Đài PTTH, Báo Gia Lai; Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Mục tiêu 2.3: Đến năm 2030, tăng gấp 1,5 lần năng suất lao động trong nông nghiệp và thu nhập của lao động nông nghiệp.

<ul style="list-style-type: none"> - Thúc đẩy tái cơ cấu nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, phát triển bền vững; thực hiện hiệu quả Đề án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, gắn với chế biến trên địa bàn tỉnh nhằm tạo động lực thúc đẩy sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. - Rà soát và tích hợp quy hoạch phát triển nông nghiệp vào quy hoạch tỉnh trên cơ sở phát huy lợi thế của từng vùng, sử dụng hiệu quả tài nguyên đất, nước; chú trọng quy hoạch các vùng sản xuất lương thực có sản lượng lớn để đảm bảo thực hiện các mục tiêu về an ninh lương thực. Xây dựng và triển khai thực hiện Đề án Lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao. - Triển khai có hiệu quả hoạt động khuyến nông nhằm chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật theo hướng sử dụng giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản có năng suất, chất lượng cao, đặc biệt là các giống cây trồng thích nghi với biến đổi khí hậu và có khả năng kháng bệnh cao. - Xây dựng các vùng sản xuất an toàn dịch bệnh, các vùng sản xuất ứng dụng công nghệ cao, các vùng sản xuất tập trung áp dụng quy trình thực hành sản xuất tốt (GAP), phát triển kinh tế vườn, kinh tế trang trại. 	<p>Chủ trì: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</p> <p>Phối hợp: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Tư pháp, Sở Khoa học và Công nghệ, Ban Dân tộc, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và UBND các huyện, thị xã, thành phố.</p>
<p>Mục tiêu 2.4: Đến năm 2030, bao đảm sản xuất lương thực, thực phẩm bền vững và áp dụng những phương thức sản xuất nông nghiệp có khả năng chống chịu giúp tăng năng suất và sản lượng, duy trì hệ sinh thái, tăng cường khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu và các thảm họa khác và dần dần cải tạo chất lượng đất đai.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Triển khai các giải pháp chủ động phòng, tránh và giảm nhẹ thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu. - Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ và tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, phát triển nông nghiệp theo hướng nông nghiệp sạch, bảo vệ môi trường sinh thái, tăng khả năng chống chịu. - Tăng cường đầu tư và trợ giúp kỹ thuật, công nghệ cho các tiêu ngành có giá trị gia tăng cao trong nông nghiệp để thúc đẩy mạnh mẽ chuyển dịch cơ cấu lao động đáp ứng tốt yêu cầu của một nền nông nghiệp hiện đại và hiệu quả. - Nâng cao nhận thức cho người dân, nhất là các chủ thể sản xuất.

Mục tiêu 3: Bảo đảm cuộc sống khỏe mạnh và tăng cường phúc lợi cho mọi người ở mọi lứa tuổi.

Mục tiêu 3.1: Đến năm 2030, giảm tỷ số tử vong mẹ xuống dưới 18/100000 trẻ đẻ sống; giảm tỷ suất tử vong trẻ dưới 1 tuổi xuống dưới 11 ca trên 1.000 trẻ đẻ sống và tỷ suất tử vong trẻ dưới 5 tuổi xuống dưới 20 ca trên 1000 trẻ đẻ sống.

- Đẩy mạnh các hoạt động truyền thông - giáo dục sức khỏe, chú trọng vào truyền thông trực tiếp tại hộ gia đình thông qua mạng lưới nhân viên y tế thôn, bản nhằm nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi của người dân, đặc biệt là đồng bào các dân tộc thiểu số về lợi ích của việc khám thai định kỳ và sinh đẻ tại cơ sở y tế.

- Tăng cường mạng lưới dịch vụ kế hoạch hóa gia đình để hạn chế tình trạng dó thai ngoài ý muốn, nạo phá thai không an toàn, bất hợp pháp; triển khai công tác khám sàng lọc trước sinh nhằm hạ thấp tỷ lệ sơ sinh dị tật; đẩy mạnh công tác giám định tử vong mẹ, từng bước triển khai giám định tử vong sơ sinh.

- Tăng cường đào tạo bác sĩ chuyên khoa phụ sản, chuyên khoa nhi, đặc biệt chú trọng hình thức đào tạo bác sĩ chuyên khoa sơ bộ để nhanh chóng bổ sung lực lượng cán bộ chuyên khoa hiện đang rất thiếu. Đào tạo đội ngũ cán bộ y tế trực tiếp làm công tác dỡ đẻ tại tất cả các cơ sở y tế trong và ngoài công lập theo hướng đạt tiêu chuẩn nhằm nâng cao năng lực sản khoa và chăm sóc sơ sinh cho cán bộ y tế.

- Đào tạo và giám sát hỗ trợ sau đào tạo nhằm nâng cao năng lực cho cán bộ y tế tuyến xã và đội ngũ nhân viên y tế thôn bản về dự phòng và xử trí một số bệnh thường gặp ở trẻ em như viêm phổi, tiêu chảy..., phòng chống tai nạn thương tích ở trẻ em, nâng cao chất lượng công tác khám thai phát hiện nguy cơ, chăm sóc bà mẹ và trẻ sơ sinh trước, trong và sau đẻ.

- Tiếp tục đào tạo cõi đỡ thôn bản cho các vùng đồng bào dân tộc thiểu số vùng đặc biệt khó khăn, nơi tập quán đẻ tại nhà còn phổ biến nhằm hạn chế thấp nhất tỷ lệ phụ nữ đẻ không được nhân viên y tế đã qua đào tạo đỡ.

- Tăng cường sự vai trò của của trạm y tế xã trong việc quản lý, giám sát hỗ trợ đội ngũ y tế thôn, bản, cõi đỡ thôn, bản nhằm nâng cao tỷ lệ khám thai, quản lý thai nghén, chăm sóc bà mẹ và sơ sinh tại nhà sau đẻ.

Chủ trì: Sở Y tế

Phối hợp: Sở Nông nghiệp và PTNT; Sở Lao động thương binh và Xã hội; Sở Giáo dục và đào tạo; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Văn hóa thể thao và du lịch; Sở Thông tin và truyền thông; Ban dân tộc; các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và UBND các huyện, thị xã, thành phố.

- Tăng cường năng lực và sự phối hợp của các tuyến trong việc chuyên tuyến cấp cứu an toàn cho bà mẹ và trẻ em.

- Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, bổ sung nhân lực và đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ y tế chuyên ngành sản, nhi cho Bệnh viện Đa khoa tỉnh, Bệnh viện Nhi và Trung tâm Y tế các huyện, bệnh viện đa khoa khu vực để triển khai đơn nguyên sơ sinh và thực hiện được các dịch vụ mổ đẻ, truyền máu, xử trí cấp cứu tai biến sản khoa theo đúng hướng dẫn của Bộ Y tế.

- Tăng cường công tác tiêm chủng mở rộng nhằm dự phòng chủ động các bệnh truyền nhiễm phổ biến, nguy hiểm cho trẻ em dưới 5 tuổi bằng vắc-xin.

- Bổ sung, nâng cấp cơ sở hạ tầng, trang thiết bị, dụng cụ y tế cho các điểm cung cấp dịch vụ dân số - kế hoạch hóa gia đình và sức khỏe sinh sản, đảm bảo các yêu cầu về quy trình và phân tuyến kỹ thuật.

- Ưu tiên đầu tư cho các dịch vụ sàng lọc, chẩn đoán, điều trị sớm một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh góp phần nâng cao chất lượng dân số. Từng bước mở rộng chương trình, đưa dịch vụ này trở thành thường quy tại các cơ sở y tế.

Mục tiêu 3.2: Đến năm 2030, chấm dứt các bệnh dịch AIDS, lao, sốt rét và các bệnh nhiệt đới bị lãng quên; phòng chống bệnh viêm gan, các dịch bệnh do nguồn nước và các bệnh truyền nhiễm khác.

- Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp có liên quan đã đề ra tại Chiến lược quốc gia phòng, chống HIV/AIDS đến năm 2020 và tầm nhìn 2030, Chiến lược quốc gia phòng, chống lao đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, Chiến lược quốc gia phòng chống và loại trừ bệnh sốt rét ở Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020 và định hướng đến năm 2030 và Chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn 2011 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 đã được phê duyệt.

- Tổ chức thông tin, giáo dục, truyền thông về phòng, chống HIV/AIDS, lao, sốt rét, viêm gan và các bệnh nhiệt đới bị lãng quên, các dịch bệnh do nguồn nước và các bệnh truyền nhiễm khác tới mọi đối tượng.

Chủ trì: Sở Y tế

Phối hợp: Sở Nông nghiệp và PTNT; Sở Lao động thương binh và Xã hội; Sở Giáo dục và đào tạo; Sở Văn hóa thể thao và du lịch; Sở Thông tin và truyền thông; Ban dân tộc; Công an tỉnh; Đài PTTH, Báo Gia Lai; các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Huy động mọi nguồn lực, sự tham gia của cộng đồng, người dân, các tổ chức xã hội trong quá trình tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức phòng chống HIV/AIDS, lao, sốt rét, viêm gan và các bệnh nhiệt đới bị lãng quên, các dịch bệnh do nguồn nước và các bệnh truyền nhiễm khác.

- Tổ chức triển khai các biện pháp chuyên môn kỹ thuật y tế nhằm hạn chế đến mức tối đa nhiễm HIV/AIDS, lao, sốt rét, viêm gan và các bệnh nhiệt đới bị lãng quên, các dịch bệnh do nguồn nước và các bệnh truyền nhiễm khác.

- Củng cố và hoàn thiện hệ thống giám sát, cảnh báo dịch và phòng chống dịch bệnh chủ động.

- Củng cố, phát triển mạng lưới y tế dự phòng nhằm tăng cường hiệu quả và nâng cao chất lượng hoạt động, bảo đảm đủ khả năng dự báo, kiểm soát các bệnh lây nhiễm, bệnh không lây nhiễm và các bệnh liên quan đến môi trường, lối sống.

- Tiếp tục duy trì và mở rộng các hoạt động can thiệp giảm tác hại cho các nhóm nguy cơ cao. Đa dạng hóa mô hình tư vấn và xét nghiệm HIV. Lồng ghép tư vấn và xét nghiệm HIV vào dịch vụ điều trị Methadone, điều trị ARV và các dịch vụ y tế khác.

- Tăng cường các biện pháp xét nghiệm phát hiện sớm phụ nữ mang thai nhiễm HIV, triển khai theo dõi và điều trị dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con bằng các phác đồ tối ưu, theo dõi xét nghiệm sớm cho trẻ em sinh ra từ mẹ nhiễm HIV, điều trị dự phòng cho con.

- Nâng cao năng lực hệ thống giám sát dịch HIV/AIDS, đảm bảo chất lượng số liệu và tính sẵn có số liệu quần thể nguy cơ cao. Huy động sự tham gia của các cơ quan, tổ chức và người dân vào hoạt động phòng chống HIV/AIDS.

Mục tiêu 3.3: Đến năm 2030, giảm 20 - 25% tỷ lệ tử vong trước 70 tuổi do các bệnh không lây nhiễm (NCDs) thông qua dự phòng và điều trị, nâng cao sức khỏe tinh thần và thể chất.

a.

- Thực hiện Chương trình phòng chống các bệnh không lây nhiễm nhằm thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống bệnh ung thư, tim mạch, đái tháo đường, bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính, hen phế quản và các bệnh không lây nhiễm khác, giai đoạn 2015 - 2025.

Chủ trì: Sở Y tế

Phối hợp: Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Xây dựng; Sở Giao thông vận tải; Sở Lao động thương binh và

- Tuyên truyền, phổ biến, vận động các cấp, các ngành, đoàn thể và người dân thực hiện các chủ trương, chính sách, pháp luật, các hướng dẫn, khuyến cáo về phòng, chống bệnh không lây nhiễm.

- Tăng cường phát hiện, điều trị, quản lý tại trạm y tế xã và cộng đồng cho người bệnh không lây nhiễm theo quy định, bảo đảm cung cấp dịch vụ quản lý, theo dõi và chăm sóc liên tục cho người bệnh.

- Tăng cường hiệu quả hoạt động của lĩnh vực y tế dự phòng trong kiểm soát yếu tố nguy cơ và các tình trạng tiền bệnh để dự phòng các bệnh không lây nhiễm.

- Huy động các nguồn lực xã hội và sự hỗ trợ của các tổ chức quốc tế.

- Tăng cường các biện pháp phát hiện bệnh sốt rét sớm, điều trị kịp thời, đúng phác đồ, trong đó chú trọng việc phát triển và duy trì hoạt động có hiệu quả các điểm kính hiển vi tại xã, liên xã. Tăng cường các biện pháp giám sát, quản lý ca bệnh sốt rét. Cung cấp miễn phí màn và màn võng có tẩm hóa chất diệt muỗi tồn lưu dài cho người dân sống trong vùng có bệnh sốt rét lưu hành nặng và vừa, bao gồm cả dân di cư tự do, hộ gia đình nghèo; vận động dân tự mua màn và ngủ màn thường xuyên.

- Tăng cường phát hiện lao sớm và điều trị có hiệu quả bệnh lao. Đẩy mạnh việc áp dụng các kỹ thuật mới vào khám phát hiện, chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh lao. Nâng cao năng lực giám sát dịch tễ bệnh lao và đánh giá hiệu quả của công tác phòng chống lao các tuyến.

- Chủ động triển khai công tác phòng chống dịch, duy trì công tác giám sát dịch tễ thường xuyên và công tác kiểm dịch y tế biên giới tại Cửa khẩu Lệ Thanh, nhằm phát hiện các trường hợp dịch bệnh xâm nhập, giảm thiểu việc lây truyền các dịch bệnh nguy hiểm.

- Tăng cường phát hiện, điều trị, quản lý tại trạm y tế xã và cộng đồng cho người mắc bệnh ung thư, tim mạch, đái tháo đường, bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính, hen phế quản và các bệnh không lây nhiễm khác theo quy định, bảo đảm cung cấp dịch vụ quản lý, theo dõi và chăm sóc liên tục cho người bệnh.

xã hội: Sở Giáo dục và đào tạo; Sở Văn hóa Thể thao và du lịch; Sở Thông tin và truyền thông; Sở Công thương; Sở Tư pháp; Công an tỉnh; Đài PTTH, Báo Gia Lai; các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và UBND các huyện, thị xã, thành phố.

- Cung cấp đủ thuốc thiết yếu cho điều trị bệnh tim mạch, đái tháo đường, bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính, hen phế quản và một số bệnh không lây nhiễm khác ở tuyến xã theo quy định.
- Triển khai thực hiện hiệu quả công tác tiêm vắc xin phòng ung thư; bảo đảm trẻ dưới 1 tuổi được tiêm đủ liều vắc xin viêm gan B, từng bước mở rộng triển khai dịch vụ tiêm phòng HPV để phòng ung thư cổ tử cung cho phụ nữ.
- Triển khai các biện pháp sàng lọc phù hợp, hiệu quả để tăng cường phát hiện sớm và quản lý điều trị các bệnh ung thư, tim mạch, đái tháo đường, bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính và hen phế quản;
- Triển khai xây dựng hai Bệnh viện vệ tinh chuyên ngành Ung bướu và Tim mạch tỉnh Gia Lai.

Mục tiêu 3.4: Tăng cường dự phòng và điều trị lạm dụng các chất gây nghiện, bao gồm lạm dụng ma túy và sử dụng các đồ uống có cồn ở mức gây hại.

- Tăng cường công tác giáo dục, thông tin tuyên truyền về công tác phòng chống việc lạm dụng các chất gây nghiện và việc sử dụng các đồ uống có cồn gây hại. Tiếp tục duy trì và mở rộng các hoạt động can thiệp giảm tác hại cho các nhóm nguy cơ cao, đặc biệt là nhóm nghiện chích ma túy. Đẩy nhanh mức độ bao phủ chương trình methadone, triển khai các điểm cung cấp phát thuốc methadone vệ tinh.
- Tiếp tục duy trì và mở rộng các hoạt động can thiệp giảm tác hại cho các nhóm nguy cơ cao. Đa dạng hóa mô hình tư vấn và xét nghiệm HIV. Lồng ghép tư vấn và xét nghiệm HIV vào dịch vụ điều trị Methadone, điều trị ARV và các dịch vụ y tế khác.
- Tăng cường các biện pháp xét nghiệm phát hiện sớm phụ nữ mang thai nhiễm HIV, triển khai theo dõi và điều trị dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con bằng các phác đồ tối ưu, theo dõi xét nghiệm sớm cho trẻ em sinh ra từ mẹ nhiễm HIV, điều trị dự phòng cho con.
- Nâng cao năng lực hệ thống giám sát dịch HIV/AIDS, đảm bảo chất lượng số liệu và tính sẵn có số liệu quản lý nguy cơ cao. Huy động sự tham gia của các cơ quan, tổ chức và người dân vào hoạt động phòng chống HIV/AIDS.

Chủ trì: Sở Y tế

Phối hợp: Sở Lao động thương binh và Xã hội; Sở Giáo dục và đào tạo; Sở Văn hóa thể thao và Du lịch; Sở Thông tin và truyền thông; Sở Công thương; Công an tỉnh; Đài PTTH, Báo Gia Lai; các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Mục tiêu 3.5: Đến năm 2030, hàng năm tiếp tục kiềm chế và giảm tai nạn giao thông trên cả ba tiêu chí, số vụ, số người chết và số người bị thương.

a

- Triển khai thực hiện các giải pháp đảm bảo an toàn giao thông đã được xác định trong Chiến lược quốc gia bảo đảm trật tự an toàn giao thông đường bộ đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 nhằm kiềm chế, từng bước giảm số người chết và bị thương do tai nạn giao thông đường bộ giai đoạn 2016 - 2020.

Phối hợp với các ngành, các cấp, đoàn thể, tổ chức chính trị xã hội nêu cao ý thức trách nhiệm trong việc tuyên truyền, vận động bảo đảm trật tự an toàn giao thông trong các tầng lớp nhân dân.

Chủ trì: Công an tỉnh

Phối hợp: Các Sở, ban, ngành; các tổ chức chính trị - xã hội; tổ chức xã hội - nghề nghiệp; Ban An toàn giao thông tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố

b.

- Huy động mọi nguồn lực để phát triển hạ tầng giao thông, sử dụng công nghệ tiên tiến trong kiểm soát, quản lý hệ thống giao thông đường bộ.

Chủ trì: Sở Giao thông Vận tải

Phối hợp: Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Khoa học và Công nghệ, các tổ c

hức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Mục tiêu 3.6: Đến năm 2030, đảm bảo tiếp cận toàn dân tới các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản và tình dục, bao gồm kế hoạch hóa gia đình, truyền thông và giáo dục; lồng ghép công tác chăm sóc sức khỏe sinh sản vào các chiến lược, chương trình có liên quan.

- Kiện toàn mạng lưới cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản; nâng cao trình độ của cán bộ y tế xã; nâng cao chất lượng của các mô hình tư vấn, chăm sóc sức khỏe sinh sản.

- Tăng cường công tác giáo dục, thông tin tuyên truyền về sức khỏe sinh sản và tình dục, kế hoạch hóa gia đình. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức của giới trẻ, liên kết giảm tỷ lệ có thai ngoài ý muốn ở độ tuổi vị thành niên.

- Lồng ghép nội dung về sức khỏe sinh sản vào các chiến lược, chương trình có liên quan.

Chủ trì: Sở Y tế

Phối hợp: Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính; Sở Lao động thương binh và Xã hội; Sở Giáo dục và đào tạo; Sở Văn hóa thể thao và du lịch; Sở Thông tin và truyền thông; Sở Công thương; Công an tỉnh; Đài PTTH, Báo Gia Lai; các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Mục tiêu 3.7: Đạt được bao phủ chăm sóc sức khỏe toàn dân, bao gồm việc tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe, thuốc và vắc xin thiết yếu, an toàn, hiệu quả, chất lượng và trong khả năng chi trả cho tất cả mọi người.

- Tiếp tục triển khai các nhiệm vụ, giải pháp của Chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn 2011 - 2020, tầm nhìn đến năm 2030 và Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII “về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới”.
- Đảm và cải thiện chất lượng dịch vụ khám, chữa bệnh. Tăng cường nguồn lực tài chính cho y tế và đảm bảo nguồn nhân lực y tế có chất lượng, đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh của người dân. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về lợi ích của bảo hiểm y tế và huy động sự tham gia của người dân trong việc mua bảo hiểm y tế.
- Tăng cường công tác quản lý giá thuốc và việc phân phối, bán buôn, bán lẻ thuốc trong tỉnh. Quản lý chặt chẽ quy chế kê đơn, bán thuốc tại các quầy thuốc, nhất là các quầy thuốc tư nhân, bảo đảm sử dụng thuốc an toàn, hợp lý.

Chủ trì: Sở Y tế

Phối hợp: Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Bảo hiểm xã hội tỉnh; Sở Thông tin và truyền thông; Đài PTTH, Báo Gia Lai; các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Mục tiêu 3.8: Đến năm 2030, giảm đáng kể số ca mắc bệnh và tử vong do các hóa chất độc hại và ô nhiễm môi trường không khí, nước và đất

a. Kiểm soát môi trường

Thực hiện các giải pháp kiểm soát ô nhiễm tại nguồn, kiểm soát việc tuân thủ nghiêm ngặt các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường và quy định của pháp luật về kiểm soát xả thải các hóa chất độc hại gây ô nhiễm không khí, đất và nước. Tăng cường thực thi pháp luật, kiểm tra, thanh tra, xử lý nghiêm các vi phạm về xả thải gây ô nhiễm môi trường không khí, đất và nước.

Chủ trì: Sở Tài nguyên và Môi trường

Phối hợp: Các sở, ban ngành; các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và UBND các huyện, thị xã, thành phố.

b. Tăng cường giám sát

Tăng cường vai trò giám sát của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp trong thực thi pháp luật về bảo vệ môi trường

Chủ trì: Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh

Phối hợp: Các sở, ban ngành; các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và UBND các huyện, thị xã, thành phố.

c. Về giám sát tác động, truyền thông nguy cơ ô nhiễm môi trường: Đến năm 2030, giảm đáng kể số ca mắc bệnh và tử vong do các hóa chất độc hại và ô nhiễm môi trường không khí, nước và đất.

- Phối hợp tốt với các Sở, ngành và chính quyền các cấp trong việc theo dõi, kiểm tra các hoạt động thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường, công tác quản lý môi trường y tế, triển khai có hiệu quả phong trào vệ sinh yêu nước nâng cao sức khỏe nhân dân.
- Truyền thông thay đổi hành vi nhằm tăng cường việc sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh và rửa tay bằng nước sạch và xà phòng.

Chủ trì: Sở Y tế

Phối hợp: Sở Tài nguyên và môi trường; Sở Nông nghiệp và PTNT; Sở Công thương; Sở Xây dựng; Sở Giao thông và vận tải; Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Thông tin và truyền thông; Đài PTTH, Báo Gia Lai; các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Mục tiêu 3.9: Tăng cường thực hiện các nội dung về kiểm soát thuốc lá trong phạm vi của tỉnh.

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chiến lược quốc gia phòng, chống tác hại của thuốc lá đến năm 2020.
- Tăng cường thực hiện các biện pháp về thông tin, tuyên truyền, giáo dục về phòng chống tác hại của thuốc lá..
- Thực hiện có hiệu quả Chiến lược quốc gia phòng, chống tác hại của thuốc lá đến năm 2020. Phối hợp với các ngành kiểm soát hoạt động kinh doanh thuốc lá, đi đôi với việc có biện pháp chuyển đổi ngành nghề cho người lao động trong ngành thuốc lá. Tăng cường thực hiện các biện pháp về thông tin, tuyên truyền, giáo dục về phòng chống tác hại của thuốc lá.

Chủ trì: Sở Y tế

Phối hợp: Sở Tài chính, Sở Tư Pháp; Sở Công thương; Sở Thông tin và truyền thông; Đài PTTH, Báo Gia Lai; các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Mục tiêu 4: Đảm bảo nền giáo dục có chất lượng, công bằng, toàn diện và thúc đẩy các cơ hội học tập suốt đời cho tất cả mọi người

Mục tiêu 4.1: Đến năm 2030, đảm bảo tất cả các trẻ em gái và trai hoàn thành giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở miễn phí, công bằng, có chất lượng.

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả Chiến lược phát triển giáo dục 2011 – 2020.
- Tiếp tục thực hiện mục tiêu kiên cố hóa trường, lớp học. Xây dựng kế hoạch trường đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2016-2020. Tăng tỷ lệ huy động học sinh trong độ tuổi đi học bậc THCS và THPT, nhất là học sinh ở vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn của tỉnh

Chủ trì: Sở Giáo dục và Đào tạo

Phối hợp: Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Nội vụ, Sở Lao động thương binh và Xã hội; Sở Thông tin và truyền thông; Đài PTTH; Báo Gia Lai; các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội -

<ul style="list-style-type: none"> - Huy động người dân đưa con trong độ tuổi đến trường, đặc biệt là ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, đồng bào dân tộc thiểu số. Thực hiện giáo dục hòa nhập, giáo dục đặc biệt cho trẻ khuyết tật. - Nâng cao chất lượng giáo dục tiểu học và trung học cơ sở và tăng cường công tác quản lý chất lượng giáo dục tiểu học và trung học cơ sở. Giảm sự bất bình đẳng và chênh lệch về chất lượng giáo dục, đặc biệt là giáo dục vùng đồng bào DTTS. 	<p>nghề nghiệp và UBND các huyện, thị xã, thành phố.</p>
<p>Mục tiêu 4.2: Đến năm 2030, đảm bảo tất cả các trẻ em gái và trai được tiếp cận với phát triển, chăm sóc giai đoạn trẻ thơ và giáo dục mầm non có chất lượng để sẵn sàng bước vào cấp tiêu học</p>	
<ul style="list-style-type: none"> - Nâng cao nhận thức cộng đồng, nhất là đối với vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào thiểu số, hộ nghèo về sự cần thiết đổi mới phát triển toàn diện sức khỏe và trí tuệ của trẻ từ giai đoạn trẻ thơ. - Tạo điều kiện thích hợp để bảo đảm các trẻ em nghèo, nhóm trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt có điều kiện tiếp cận dịch vụ chăm sóc giai đoạn trẻ thơ và giáo dục mầm non. - Duy trì phổ cập giáo dục mầm non, tiểu học và THCS. Thực hiện tốt chính sách ưu đãi cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn. 	<p>Chủ trì: Sở Giáo dục và Đào tạo Phối hợp: Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Nội vụ, Sở Lao động thương binh và Xã hội; Sở Thông tin và truyền thông; Đài PTTH; Báo Gia Lai; các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và UBND các huyện, thị xã, thành phố.</p>
<p>Mục tiêu 4.3: Đến năm 2030, đảm bảo tiếp cận công bằng cho tất cả nam và nữ đối với giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học có chất lượng và trong khả năng chi trả</p>	
<p>a.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiếp tục thực hiện mục tiêu kiên cố hóa trường, lớp học. Xây dựng kế hoạch trường đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2016-2020. Tăng tỷ lệ huy động học sinh trong độ tuổi đi học bậc THCS và THPT, nhất là học sinh ở vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn của tỉnh; Thực hiện có hiệu quả công tác hướng nghiệp, phân luồng học sinh sau tốt nghiệp THCS và THPT để thu hút nhiều học sinh tham gia giáo dục nghề nghiệp, nhằm bồi sung đáng kể lực lượng lao động qua đào tạo cho địa phương và xuất khẩu lao động. - Thực hiện tốt chính sách tín dụng ưu đãi cho học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn; khuyến khích hình thành các Quỹ học bổng giúp cho học sinh nghèo, học sinh giỏi. Tiếp tục triển khai nghiêm túc Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. 	<p>Chủ trì: Sở Giáo dục và Đào tạo Phối hợp: Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Nội vụ, Sở Lao động thương binh và Xã hội và UBND các huyện, thị xã, thành phố.</p>

- Nâng cao chất lượng của các cơ sở giáo dục thông qua đổi mới cơ chế hoạt động của các cơ sở theo hướng gắn với thị trường lao động, giao quyền tự chủ, t chịu trách nhiệm trên cơ sở năng lực, chất lượng và khả năng tự chủ tài chính, giảm bớt gánh nặng đầu tư tài chính của Nhà nước..

b.

- Thực hiện hiệu quả Luật Giáo dục nghề nghiệp và Chiến lược phát triển dạy nghề thời kỳ 2011 - 2020, bảo đảm tất cả nam và nữ thanh niên và người trưởng thành có nhu cầu đều có thể tiếp cận dịch vụ giáo dục nghề nghiệp phù hợp.
- Nâng cao chất lượng của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp thông qua đổi mới cơ chế hoạt động của các cơ sở này theo hướng gắn với thị trường lao động.
- Tăng cường thực hiện chính sách hỗ trợ các đối tượng chính sách, người nghèo, người trong hoàn cảnh dễ bị tổn thương, người khuyết tật có điều kiện tiếp cận dịch vụ giáo dục nghề nghiệp theo nhu cầu.
- Khuyến khích xã hội hóa để đầu tư xây dựng và phát triển các trường chất lượng cao. Phối hợp, tạo điều kiện xây dựng các phân hiệu Đại học Y dược, Đại học ngân hàng, Đại học Tôn Đức Thắng,... trên địa bàn tỉnh

Chủ trì: Sở Lao động thương binh và Xã hội

Phối hợp: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính; Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Công Thương; các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Mục tiêu 4.4: Đến năm 2030, tăng đáng kể số lao động có các kỹ năng phù hợp với nhu cầu thị trường lao động để có việc làm tốt và làm chủ doanh nghiệp.

- Rà soát sắp xếp lại mạng lưới giáo dục nghề nghiệp; nâng cao chất lượng đào tạo một số nghề.
- Đẩy mạnh đào tạo nghề cho lao động nông thôn, gắn đào tạo nghề với chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và đáp ứng nhiệm vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp. Tiếp tục thực hiện hiệu quả Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020.
- Xây dựng kế hoạch và thực hiện kế hoạch phát triển nguồn nhân lực, gắn giáo dục, đào tạo với nhu cầu sử dụng nguồn nhân lực. Tăng cường đào tạo cao đẳng, đại học nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu phát triển.
- Đẩy mạnh xã hội hóa dạy nghề, nâng cao chất lượng dạy nghề gắn với công tác giải quyết việc làm.

Chủ trì: Sở Lao động thương binh và Xã hội.

Phối hợp: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính; các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Mục tiêu 4.5: Đến năm 2030, đảm bảo tiếp cận bình đẳng trong giáo dục và đào tạo, đào tạo nghề nghiệp cho những người dễ bị tổn thương, bao gồm cả những người khuyết tật, người dân tộc và trẻ em trong những hoàn cảnh dễ bị tổn thương.

a.

- Tăng cường, ưu tiên đào tạo nhân lực cho các dân tộc thiểu số và các vùng đặc biệt khó khăn bằng các hình thức phù hợp (tiếp tục chính sách cử tuyển, lồng ghép đào tạo cán bộ là người dân tộc thiểu số trong Đề án đào tạo cán bộ, công chức cấp cơ sở, đào tạo cán bộ y tế cho tuyến xã, các dự án đào tạo của Chương trình xóa đói, giảm nghèo, khuyến nông, khuyến lâm ...).

Chủ trì: Sở Giáo dục và Đào tạo

Phối hợp: Sở Nội vụ, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Lao động thương binh và Xã hội; Ban dân tộc và UBND các huyện, thị xã, thành phố.

b.

- Mở rộng giáo dục nghề cho các đối tượng chính sách, người nghèo, cận nghèo và quan tâm giáo dục nghề phù hợp cho những người khuyết tật.

Chủ trì: Sở Lao động thương binh và Xã hội.

- Tăng cường trách nhiệm xã hội của các doanh nghiệp trong việc đào tạo nghề cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn.

Phối hợp: Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính; các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Mục tiêu 4.6: Đến năm 2030, đảm bảo tất cả thanh niên và phần lớn người trưởng thành, cả nam giới và nữ giới, biết đọc, viết.

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Đề án xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2012 - 2020.

Chủ trì: Sở Giáo dục và Đào tạo

- Cùng cố, phát triển bền vững các trung tâm học tập cộng đồng; tăng cường các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động của các trung tâm học tập cộng đồng; mở rộng địa bàn hoạt động đến các thôn, bản, cụm dân cư; đa dạng hóa nội dung giáo dục; phấn đấu tăng số lượng trung tâm học tập cộng đồng hoạt động có hiệu quả; phát triển mô hình trung tâm học tập cộng đồng kết hợp với trung tâm văn hóa thể thao xã hoạt động có hiệu quả.

Phối hợp: Sở Nội vụ, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Lao động thương binh và Xã hội; Sở Văn hóa thể thao và Du lịch; Ban dân tộc và UBND các huyện, thị xã, thành phố.

- Hoàn thiện chính sách hỗ trợ cho người học thuộc đối tượng chính sách, người dân tộc, phụ nữ theo địa bàn, đặc biệt là các địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn.

Mục tiêu 4.7: Đến năm 2030, bao đảm rằng tất cả những người học được trang bị những kiến thức và kỹ năng cần thiết để thúc đẩy phát triển bền vững.	
<ul style="list-style-type: none"> - Đổi mới chương trình và cách thức lồng ghép các nội dung trong chương trình giáo dục các cấp. - Tăng cường nội dung có tính thực tiễn, tình huống và sử dụng phương pháp giảng dạy hiện đại, có sự tham gia của người học. 	Chủ trì: Sở Giáo dục và Đào tạo Phối hợp: Sở Nội vụ, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Lao động thương binh và Xã hội; Sở Văn hóa thể thao và Du lịch; Ban dân tộc và UBND các huyện, thị xã, thành phố.
Mục tiêu 4.8: Xây dựng và nâng cấp các cơ sở giáo dục thân thiện với trẻ em, người khuyết tật và bình đẳng giới và cung cấp môi trường học tập an toàn, không bạo lực, toàn diện và hiệu quả cho tất cả mọi người.	
<ul style="list-style-type: none"> - Bảo đảm các cơ sở giáo dục mới đáp ứng các tiêu chí thân thiện với trẻ em, bao gồm cả trẻ khuyết tật; đồng thời sửa chữa, nâng cấp các cơ sở giáo dục đang hoạt động để đáp ứng tiêu chí đề ra. - Lồng ghép mục tiêu về cơ sở giáo dục thân thiện với trẻ em vào chiến lược giáo dục. - Huy động các nguồn lực xã hội đầu tư cho việc xây dựng và nâng cấp các cơ sở giáo dục. 	Chủ trì: Sở Giáo dục và Đào tạo Phối hợp: Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Lao động thương binh và Xã hội; Sở Xây dựng và UBND các huyện, thị xã, thành phố.
Mục tiêu 5: Đạt được bình đẳng về giới, tăng quyền và tạo cơ hội cho phụ nữ và trẻ em gái.	
Mục tiêu 5.1: Giảm thiểu, tiến tới chấm dứt các hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ và trẻ em gái trong mọi lĩnh vực và ở mọi nơi.	
<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011 - 2020; Đề án Phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới giai đoạn 2016 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2030. - Xây dựng và tổ chức thực hiện dự án hỗ trợ thực hiện các mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới (Chương trình mục tiêu phát triển hệ thống trợ giúp xã hội giai đoạn 2016 - 2020). - Đưa nội dung phòng chống bạo lực gia đình, bình đẳng giới vào chương trình học của tất cả các bậc học. - Thực hiện lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch hoạt động của các ngành, các cấp; trong xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của các Sở, ban, ngành, đoàn thể, hội của tỉnh và địa phương. 	Chủ trì: Sở Lao động thương binh và Xã hội. Phối hợp: Sở Tư pháp; Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Nội vụ; Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh; các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Mục tiêu 5.2: Giảm đáng kể mọi hình thức bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái nơi công cộng hoặc nơi riêng tư, bao gồm cả việc mua bán, bóc lột tình dục và các hình thức bóc lột khác.

- Tăng cường tuyên truyền, nâng cao nhận thức về pháp luật nhằm ngăn chặn và hạn chế bạo lực xảy ra đối với phụ nữ và trẻ em, bao gồm cả việc mua bán, bóc lột, lạm dụng tình dục và các hình thức bóc lột khác.
- Đưa kiến thức về bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái, bao gồm cả việc mua bán, bóc lột, lạm dụng tình dục và các hình thức bóc lột khác vào chương trình giáo dục tại các cấp học.
- Tư vấn, hướng dẫn, hỗ trợ phụ nữ và trẻ em gái giải quyết khó khăn của bản thân, gia đình và những vấn đề liên quan khác vốn là những khía cạnh tiềm ẩn khả năng bị bạo lực, bao gồm cả việc mua bán, bóc lột, lạm dụng tình dục và các hình thức bóc lột khác.

Chủ trì: Sở Lao động thương binh và Xã hội

Phối hợp: Sở Tư pháp; Sở Giáo dục và Đào tạo; Công an tỉnh; Sở Văn hóa Thể thao và du lịch; Sở Thông tin và truyền thông; Đài PTTH; Tỉnh đoàn; Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh; các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Mục tiêu 5.3: Hạn chế tiến tới xóa bỏ các thủ tục như tảo hôn, kết hôn sớm và hôn nhân ép buộc.

- Tăng cường tuyên truyền, phổ biến, giáo dục, nâng cao nhận thức về tác hại, hậu quả và hệ lụy do tảo hôn và hôn nhân cận huyết gây nên tại những vùng có tỷ lệ kết hôn sớm, cưỡng ép kết hôn, cưỡng ép ly hôn cao.
- Xây dựng đề án/chương trình giáo dục tuyên truyền về xóa bỏ các hủ tục như tảo hôn, kết hôn sớm, cưỡng ép kết hôn, cưỡng ép ly hôn cho thời kỳ 2016 - 2025.
- Thành lập các trung tâm, cơ sở tư vấn, giáo dục tiền hôn nhân.

Chủ trì: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Phối hợp: Sở Tư pháp; Sở Lao động thương binh và XH; Sở Giáo dục và Đào tạo; Công an tỉnh; Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch; Sở Thông tin và truyền thông; Đài PTTH; Tỉnh đoàn; Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh; các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Mục tiêu 5.4: Bảo đảm bình đẳng trong việc nội trợ và chăm sóc gia đình; công nhận việc nội trợ và các chăm sóc không được trả phí; tăng cường các dịch vụ công cộng, cơ sở hạ tầng và các chính sách bảo trợ xã hội, các dịch vụ hỗ trợ gia đình, chăm sóc trẻ em.

- Nâng cao nhận thức của xã hội về vai trò và tầm quan trọng của công việc chăm sóc không được trả phí và công việc nhà; nâng cao nhận thức về bình đẳng chia sẻ trách nhiệm trong từng hộ gia đình. Tăng cường tuyên truyền, giáo dục về quyền bình đẳng trong công việc chăm sóc không được trả phí và công việc nhà giữa các thành viên trong gia đình

Chủ trì: Sở Lao động thương binh và Xã hội

Phối hợp: Sở Văn hóa Thể thao và du lịch; Sở Giáo dục và Đào tạo; Công an tỉnh; Sở Thông tin và truyền thông; Đài PTTH; Tỉnh đoàn; Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh; các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Mục tiêu 5.5: Đảm bảo sự tham gia đầy đủ, hiệu quả và cơ hội bình đẳng tham gia lãnh đạo của phụ nữ ở tất cả các cấp hoạch định chính sách trong đời sống chính trị, kinh tế và xã hội.

- Truyền thông thay đổi nhận thức, thay đổi hành vi của các nhà lãnh đạo, các nhà hoạch định chính sách và của toàn xã hội về bình đẳng giới và vai trò của phụ nữ trong tham chính.
- Đưa tiêu chí về công tác cán bộ nữ trong đánh giá, kiểm điểm hàng năm của các cơ quan.
- Công tác quy hoạch, bồi dưỡng, đào tạo nhằm đảm bảo nguyên tắc bình đẳng giới. Không phân biệt về độ tuổi giữa nam và nữ trong quy hoạch, bồi dưỡng, đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, nghỉ hưu...

Chủ trì: Sở Nội vụ

Phối hợp: Sở Lao động, thương binh và XH; Sở Thông tin và truyền thông; Đài PTTH; Tỉnh đoàn; Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh; các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Mục tiêu 5.6: Báo đảm tiếp cận phò cập đối với sức khỏe sinh sản và tình dục, quyền sinh sản như được thống nhất trong Chương trình Hành động của Hội nghị Quốc tế về Dân số và Phát triển, Cương lĩnh Hành động Bắc Kinh và các văn kiện về kết quả của các hội nghị đánh giá việc thực hiện Chương trình và Cương lĩnh này.

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả Chiến lược Dân số và Sức khỏe sinh sản Việt Nam giai đoạn 2011 -2020
- Tăng cường công tác giáo dục, thông tin tuyên truyền về sức khỏe sinh sản và tình dục, kế hoạch hóa gia đình. Nâng cao nhận thức, trang bị kiến thức cho phụ nữ, đặc biệt là phụ nữ trong độ tuổi 15 - 49 tuổi về việc tự quyết định trong quan hệ tình dục, sử dụng các biện pháp tránh thai và chăm sóc sức khỏe sinh sản.
- Mở rộng và nâng cao chất lượng chương trình giáo dục dân số, sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục và kế hoạch hóa gia đình; tư vấn, giáo dục giới tính trong và ngoài nhà trường cho nam/nữ vị thành niên và thanh niên.
- Nâng cao chất lượng các dịch vụ tư vấn, chăm sóc sức khỏe sinh sản.

Chủ trì: Sở Y tế

Phối hợp: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính; Sở Giáo dục và đào tạo; Sở Lao động, thương binh và XH; Sở Thông tin và truyền thông; Sở Văn hóa, thể thao và du lịch; Đài PTTH; Tỉnh đoàn; Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh; các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Mục tiêu 5.7: Đảm bảo tất cả phụ nữ, đặc biệt là phụ nữ nghèo ở nông thôn, phụ nữ người dân tộc thiểu số có quyền bình đẳng với các nguồn lực kinh tế, được tiếp cận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu các tài sản khác, dịch vụ tài chính, quyền thừa kế và tài nguyên thiên nhiên, phù hợp với pháp luật quốc gia.

a.

Đảm bảo tham mưu UBND tỉnh tiến hành thường xuyên việc thực hiện rà soát, kiến nghị điều chỉnh các văn bản pháp luật, chính sách hiện hành theo hướng đảm bảo

Chủ trì: Sở Tư pháp

bình đẳng trong tiếp cận các nguồn lực kinh tế. Đàm bảo tất cả các văn bản quy phạm có liên quan về giới phải được đánh giá tác động về kinh tế, về giới trong quá trình xây dựng văn bản.

Tăng cường đôn đốc việc thực thi chính sách, theo dõi thực hiện chính sách trên thực tế theo chức năng. Đàm bảo sự tham gia góp ý của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp có liên quan trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật

Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan liên quan, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp trong quá trình xây dựng và thực hiện chính sách, pháp luật nhằm thúc đẩy bình đẳng giới và trao quyền cho tất cả phụ nữ và trẻ em gái

Phối hợp: Các Sở: Lao động - Thương binh và Xã hội; Tài nguyên và Môi trường; Nông nghiệp và PTNT; MTTQ Việt Nam tỉnh; Ban dân tộc; Hội LHPN tỉnh; VCCI; các tổ chức chính trị - xã hội; tổ chức xã hội - nghề nghiệp; UBND các huyện, thị xã, thành phố

b.

- Xây dựng các chương trình đào tạo phương thức làm kinh tế cho phụ nữ, chú trọng đào tạo ứng dụng công nghệ cung cấp thông tin (chính sách, pháp luật, công nghệ mới...).
- Đào tạo nghề trình độ cao, đặc biệt những lĩnh vực - ngành nghề có khả năng dịch chuyển lao động trong khu vực ASEAN.
- Đào tạo về đổi mới, sáng tạo; kỹ năng khởi nghiệp, khởi sự và quản lý kinh doanh cho phụ nữ; tổ chức các diễn đàn, hội thảo về các cam kết quốc tế trong lĩnh vực kinh tế.

Chủ trì: Sở Lao động thương binh và Xã hội

Phối hợp: Sở Kế hoạch và Đầu tư; Đài PTTH; Tỉnh đoàn; Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh; các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Mục tiêu 5.8: Nâng cao việc sử dụng các công nghệ tạo thuận lợi, đặc biệt là công nghệ thông tin và truyền thông để thúc đẩy việc trao quyền cho phụ nữ. Tạo điều kiện cho phụ nữ được tiếp cận và sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông.

- Nâng cao năng lực cho phụ nữ trong tiếp cận công nghệ thông tin và truyền thông.
- Từng bước đưa công nghệ thông tin và truyền thông vào đời sống của nông dân, thu hẹp khoảng cách số giữa nông thôn và thành thị.
- Xây chương trình đào tạo phù hợp với phụ nữ nông thôn, phụ nữ dân tộc thiểu số.

Chủ trì: Sở Thông tin và truyền thông.

Phối hợp: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh; Đài PTTH; các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và UBND các huyện, thị xã, thành phố.

- Thúc đẩy các sáng kiến nhằm phát huy tinh thần sáng tạo của các nữ sinh; phổ cập sử dụng tin học tại các trường phổ thông.

Mục tiêu 6: Đảm bảo đầy đủ và quản lý bền vững tài nguyên nước và hệ thống vệ sinh cho tất cả mọi người

Mục tiêu 6.1: Đến năm 2030, đảm bảo khả năng tiếp cận đầy đủ và công bằng với nước uống và sinh hoạt an toàn, trong khả năng chi trả cho tất cả mọi người.

a. Các cơ chế, chính sách về nước sạch

- Hướng dẫn triển khai thực hiện Luật cấp nước và các văn bản quy phạm pháp Luật dưới Luật (sau khi Trung ương ban hành).
- Đề xuất cơ chế đầy mạnh xã hội hóa các hoạt động bảo vệ, quản lý, phát triển nguồn cấp nước và cung ứng dịch vụ nước sạch đô thị và khu công nghiệp. Cải thiện chính sách và môi trường thuận lợi cho đầu tư vào sản xuất và cung cấp nước sạch đô thị và khu công nghiệp.
- Phối hợp với UBND các thực hiện khảo sát, rà soát, lập danh mục các nguồn cung cấp nước quan trọng để có kế hoạch bảo vệ, khai thác và sử dụng có hiệu quả. Tăng cường truyền thông nâng cao nhận thức về bảo vệ và sử dụng hợp lý nước sạch.

Chủ trì: Sở Xây dựng

Phối hợp: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, Sở Y tế, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Thông tin và Truyền thông và UBND các huyện, thị xã, thành phố.

b. Cung cấp nước

- Cung cấp đủ nước đảm bảo vệ sinh cho nông thôn, đảm bảo người dân được tiếp cận đầy đủ và công bằng với nước uống và nước sinh hoạt an toàn.
- Xây dựng cơ chế ưu tiên hỗ trợ cho những vùng nghèo, người nghèo; các vùng đặc biệt khó khăn, thường xuyên hạn hán trong việc tiếp cận với các dịch vụ và nước sinh hoạt.
- Đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động bảo vệ, quản lý, phát triển nguồn cấp nước và cung ứng dịch vụ nước sạch nông thôn. Cải thiện chính sách và môi trường thuận lợi cho đầu tư vào sản xuất và cung cấp nước sạch nông thôn.

Chủ trì: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Phối hợp: Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, Sở Y tế, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Thông tin và Truyền thông và UBND các huyện, thị xã, thành phố.

c. Chính sách về giá và thuế

<p>Tham mưu UBND tỉnh ban hành chính sách về giá, chính sách cấp bù giá đối với nước sạch và kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, hoàn thiện chính sách thuế tài nguyên phù hợp đối với tài nguyên nước nhằm đảm bảo khả năng chi trả cho tất cả mọi người.</p>	<p>Chủ trì: Sở Tài chính Phối hợp: Cục Thuế tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và UBND các huyện, thị xã, thành phố.</p>
<p>Mục tiêu 6.2: Đến năm 2030, đảm bảo tiếp cận công bằng các công trình và điều kiện vệ sinh phù hợp cho tất cả mọi người, đặc biệt chú ý đến nhu cầu của phụ nữ, trẻ em gái, người khuyết tật và đối tượng dễ bị tổn thương; chấm dứt đi vệ sinh ngoài trời; 100% số hộ gia đình có nhà tiêu hợp vệ sinh.</p>	
<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện xã hội hóa, có chính sách ưu đãi đối với doanh nghiệp đầu tư vào vệ sinh công cộng. - Hỗ trợ và tăng cường sự tham gia của các tổ chức xã hội, cộng đồng, địa phương nhằm cải thiện quản lý vệ sinh. Thúc đẩy cải thiện các điều kiện vệ sinh công cộng phục vụ phụ nữ, trẻ em gái và người khuyết tật. 	<p>Chủ trì: Sở Xây dựng Phối hợp: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Y tế; các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và UBND các huyện, thị xã, thành phố.</p>
<p>Mục tiêu 6.3: Đến năm 2030, cải thiện chất lượng nước, kiểm soát được các nguồn gây ô nhiễm; chấm dứt việc sử dụng các loại hóa chất độc hại trong sản xuất công nghiệp, nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản gây ô nhiễm nguồn nước và làm suy giảm đa dạng sinh học; 100% nước thải nguy hại được xử lý; giảm một nửa tỷ lệ nước thải đô thị chưa qua xử lý; tăng cường tái sử dụng nước an toàn</p>	
<p>a. Công tác quy hoạch</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn triển khai thực hiện các quy định, hướng dẫn kỹ thuật và tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đối với lĩnh vực thoát nước và xử lý nước thải. - Lập quy hoạch, từng bước xây dựng, vận hành hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung tại các đô thị loại IV trở lên. Gắn quy hoạch chỉnh trang đô thị, nâng cấp, hoàn thiện hệ thống tiêu thoát nước thải, nước mưa, xây dựng các hệ thống xử lý nước thải tập trung với kế hoạch, chương trình, dự án cải tạo, phục hồi các hồ, ao, kênh, mương, đoạn sông trong các đô thị, khu dân cư. - Bổ sung Quy hoạch chuyên ngành thoát nước, các nội dung quy hoạch thoát nước trong quy hoạch đô thị thích ứng với biến đổi khí hậu theo quy định của Luật Quy hoạch. 	<p>Chủ trì: Sở Xây dựng Phối hợp: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và UBND các huyện, thị xã, thành phố.</p>

b. Công tác giám sát

- Tích cực kiểm tra, giám sát, ngăn chặn các nguồn gây ô nhiễm môi trường, áp dụng các chế tài mạnh mẽ nhằm xử lý các trường hợp vi phạm.

- Áp dụng chế độ quan trắc tự động, liên tục và giám sát chặt chẽ nước thải từ các khu, cụm công nghiệp, khu kinh tế, bệnh viện.

- Xã hội hóa đầu tư thực hiện các chương trình, dự án cải tạo, phục hồi hồ, ao, kênh, mương, đoạn sông trong các đô thị, khu dân cư, đặc biệt là các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia về khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường.

Chủ trì: Sở Tài nguyên và Môi trường

Phối hợp: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Mục tiêu 6.4: Đến năm 2030, tăng đáng kể hiệu quả sử dụng nước trong tất cả các lĩnh vực, đảm bảo nguồn cung nước sạch bền vững nhằm giải quyết tình trạng khan hiếm nước, giảm đáng kể số người chịu cảnh khan hiếm nước. Bảo đảm việc khai thác nước không vượt quá ngưỡng giới hạn khai thác đối với các sông, không vượt quá trữ lượng có thể khai thác đối với các tầng chứa nước.

- Thực hiện Quy hoạch tài nguyên nước của tỉnh Gia Lai đến năm 2025 và định hướng đến năm 2035 phù hợp với tình hình phát triển kinh tế xã hội hiện nay của tỉnh và phù hợp với quy định hiện hành.

- Đảm bảo nguồn nước cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, các hoạt động sản xuất và hoạt động xã hội khác.

- Điều tra, lập kế hoạch bảo vệ, khai thác các nguồn nước mặt, nước ngầm hiện có để có đánh giá cụ thể về tài nguyên, trữ lượng nước trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện cắm mốc hành lang bảo vệ các hồ chứa, sông, suối.

- Kiểm soát chặt chẽ các hoạt động khai thác nước mặt, khoan thăm dò, khai thác nước dưới đất và các hoạt động gây ô nhiễm nguồn nước; bảo vệ nguồn nước dự trữ.

- Tăng cường hợp tác với các tỉnh có chung nguồn nước nhằm bảo vệ, khai thác sử dụng công bằng hợp lý, điều tiết dòng chảy, ngăn ngừa các tác hại đối với các nguồn nước liên tỉnh.

- Truyền thông nâng cao nhận thức của cộng đồng về bảo vệ nguồn nước.

Chủ trì: Sở Tài nguyên và Môi trường

Phối hợp: Các Sở, ban ngành; các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Mục tiêu 6.5: Đến năm 2030, thực hiện quản lý tổng hợp tài nguyên nước theo lưu vực sông, bao gồm cả nguồn nước xuyên biên giới thông qua hợp tác quốc tế.

<ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường quản lý tổng hợp tài nguyên nước các lưu vực sông; kết hợp quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực, đặc biệt là các ngành, lĩnh vực sử dụng nhiều nước với quy hoạch tìm kiếm và khai thác tài nguyên nước. - Tăng cường kiểm soát ô nhiễm nguồn nước, chú trọng kiểm soát ô nhiễm các lưu vực sông và nguồn nước xuyên biên giới. - Xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch bảo vệ tài nguyên nước và hệ sinh thái thủy sinh, đảm bảo chất lượng nguồn nước đáp ứng các mục đích sử dụng nước khác nhau. - Kiểm soát chặt chẽ việc xây dựng và vận hành các nhà máy thủy điện, hạn chế tối đa các tác động tiêu cực đối với môi trường và sinh kế của người dân xung quanh. - Nâng cao năng lực quản lý tài nguyên nước và sự phối hợp với các bộ, ngành Trung ương. - Thực hiện đồng bộ các biện pháp phòng, chống ô nhiễm nguồn nước và bảo vệ tính toàn vẹn của hệ sinh thái thủy sinh; tăng cường bảo vệ rừng phòng hộ; Tăng cường vai trò của cộng đồng trong bảo vệ và phục hồi các hệ sinh thái. 	<p>Chủ trì: Sở Tài nguyên và Môi trường</p> <p>Phối hợp: Các Sở, ban ngành; các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và UBND các huyện, thị xã, thành phố.</p>
---	--

Mục tiêu 6.6: Đến năm 2030, bảo vệ và phục hồi các hệ sinh thái liên quan đến nước

<ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường bảo vệ nguồn nước và bảo vệ hệ sinh thái thủy sinh. Tăng cường bảo vệ rừng phòng hộ. - Tăng cường vai trò của cộng đồng trong bảo vệ và phục hồi các hệ sinh thái. Tăng cường học tập, trao đổi nguồn lực, kinh nghiệm về bảo tồn đa dạng sinh học liên quan đến nước. - Tăng cường nguồn lực tài chính cho bảo vệ và phục hồi các hệ sinh thái liên quan đến nước. 	<p>Chủ trì: Sở Tài nguyên và Môi trường</p> <p>Phối hợp: Các Sở, ban ngành; các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và UBND các huyện, thị xã, thành phố.</p>
--	--

Mục tiêu 7: Đảm bảo khả năng tiếp cận nguồn năng lượng bền vững, đáng tin cậy và có khả năng chi trả cho tất cả mọi người.

<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức thực hiện hiệu quả Quy hoạch phát triển Điện lực tỉnh Gia Lai giai đoạn 2016-2025, định hướng đến năm 2035, các Quy hoạch đầu nối, truyền tải điện. 	<p>Chủ trì: Sở Công Thương</p> <p>Phối hợp: Các Sở, ban ngành; các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội</p>
---	---

<ul style="list-style-type: none"> - Triển khai Chiến lược phát triển năng lượng tái tạo của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh. - Thực hiện hiệu quả các chính sách hỗ trợ linh hoạt phù hợp với đặc thù của địa phương để sử dụng hiệu quả nguồn vốn đầu tư cho người nghèo trong tiếp cận và sử dụng năng lượng cho sản xuất và sinh hoạt. - Ưu tiên phát triển năng lượng tái tạo, phát triển nguồn điện độc lập, phân tán cho vùng sâu, vùng xa thay vì kéo điện lưới để đảm bảo hiệu quả đầu tư sử dụng, tăng nhanh tỷ lệ tiếp cận điện và xây dựng cơ chế quản lý để duy trì và phát triển các nguồn điện ở những khu vực này. - Tham mưu cho UBND tỉnh các giải pháp để từng bước áp dụng thích hợp lộ trình để cải cách thị trường điện theo hướng vận hành theo cơ chế thị trường; tính đúng, đủ giá điện theo cơ chế thị trường - Tăng cường công tác phối kết hợp giữa Sở Công Thương với Công ty Điện lực tỉnh và các sở, ban ngành, UBND các trong việc giám sát, đánh giá hiệu quả sử dụng năng lượng của các sở, ban ngành, UBND các trên địa bàn tỉnh. - Xây dựng hệ thống thông tin cập nhật tình hình sử dụng năng lượng của các ngành doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh thông qua lồng ghép một số chỉ tiêu về sử dụng năng lượng trong Điều tra Doanh nghiệp hàng năm. - Đẩy mạnh ứng dụng các tiến bộ khoa học trong sử dụng điện, giảm thiểu tối đa điện năng tiêu thụ, phấn đấu năng lượng điện tiêu thụ giảm qua các năm. Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về sử dụng tiết kiệm và hiệu quả năng lượng trong sản xuất và sinh hoạt. - Thực hiện hiệu quả và bảo đảm Kế hoạch của Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia tỉnh Gia Lai giai đoạn 2016 - 2021. 	<ul style="list-style-type: none"> - nghề nghiệp và UBND các huyện, thị xã, thành phố.
---	---

Mục tiêu 8: Đảm bảo tăng trưởng kinh tế bền vững, toàn diện, liên tục; tạo việc làm đầy đủ, năng suất và việc làm tốt cho tất cả mọi người .

Mục tiêu 8.1: Duy trì tăng trưởng GRDP của tỉnh hàng năm từ 7,5% trở lên trong giai đoạn 2016-2020.

Xây dựng và thực hiện hiệu quả Chương trình hành động số 48-Ctr/TU ngày 03/10/2017 về việc thực hiện

Chủ trì: Sở Kế hoạch và Đầu tư

<p>Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 03/6/2017 của Hội nghị lần thứ 5 BCH TW khóa XII về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.</p> <p>Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Gia Lai giai đoạn 2016-2020. Phần đầu giai đoạn 2016-2020, tăng trưởng GRDP của tỉnh đạt 7,5% trở lên. GRDP đầu người đến năm 2020 đạt 54,8 triệu đồng/người/năm</p>	<p>Phối hợp: Các Sở, ngành có liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố</p>
<p>Mục tiêu 8.2: Tăng năng suất lao động thông qua đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng, nâng cấp và đổi mới công nghệ, tập trung vào các ngành tạo giá trị tăng cao và sử dụng nhiều lao động.</p>	
<p>Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chương trình hành động số 34-CTr/TU ngày 27/2/2017 của Tỉnh ủy Gia Lai thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TW ngày 01/11/2016 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số chủ trương lớn, chính sách lớn nhằm tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế.</p>	<p>Chủ trì: Sở Kế hoạch và Đầu tư Phối hợp: Các Sở, ngành có liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố</p>
<p>Mục tiêu 8.3: Tăng cường các chính sách hỗ trợ các hoạt động sản xuất có năng suất cao, tạo việc làm tốt và bền vững, hỗ trợ làm chủ doanh nghiệp, phát minh và sáng tạo; chính thức hóa và tăng trưởng các doanh nghiệp vừa, nhỏ và siêu nhỏ, gồm cả thông qua việc tiếp cận với các dịch vụ tài chính.</p>	
<p>Xây dựng và thực hiện hiệu quả Chương trình hành động số 49-CTr/TU ngày 03/10/2017 về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 03/6/2017 của Hội nghị lần thứ 5 BCH TW khóa XII về phát triển kinh tế tư nhân trở thành động lực quan trọng của nền kinh tế</p>	<p>Chủ trì: Sở Kế hoạch và Đầu tư Phối hợp: Các Sở, ngành có liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố</p>
<p>Mục tiêu 8.4: Đến năm 2030, tăng dần hiệu quả sử dụng nguồn lực trong sản xuất và tiêu thụ, giảm tác động của tăng trưởng kinh tế lên môi trường, phù hợp với Khung Chương trình 10 năm về sản xuất và tiêu dùng bền vững của Việt Nam</p>	
<ul style="list-style-type: none"> - Triển khai rộng rãi và áp dụng hiệu quả các khung pháp lý và chính sách thực hiện sản xuất và tiêu dùng bền vững; thúc đẩy sản xuất và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng bền vững. - Thực hiện giảm thiểu, tái chế, tái sử dụng chất thải. Cải tiến quy trình quản lý, ứng dụng và chuyển sang các công nghệ sạch, tái sử dụng và tái chế chất thải, giảm thiểu phát sinh chất thải và ô nhiễm môi trường. 	<p>Chủ trì: Sở Công Thương Phối hợp: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường; các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và UBND các huyện, thị xã, thành phố.</p>

- Tăng cường sử dụng các nguyên vật liệu, năng lượng tái tạo, sản phẩm thân thiện môi trường; duy trì tính bền vững của hệ sinh thái lại tất cả các khâu trong vòng đời sản phẩm.
- Tăng cường truyền thông nâng cao nhận thức về tiêu dùng bền vững; thay đổi hành vi sản xuất và tiêu dùng; phát triển chuỗi cung ứng các sản phẩm, dịch vụ thân thiện môi trường; thực hiện lối sống xanh, lối sống bền vững theo hướng giảm thiểu, tái chế, tái sử dụng chất thải.

Mục tiêu 8.5: Đến năm 2030, tạo việc làm đầy đủ, năng suất và việc làm tốt cho tất cả nam và nữ, bao gồm cả thanh niên, người khuyết tật và thù lao ngang bằng đối với các loại công việc như nhau

- Xây dựng và tổ chức thực hiện dự án phát triển thị trường lao động, việc làm (Chương trình mục tiêu giáo dục nghề nghiệp - việc làm và an toàn, vệ sinh lao động giai đoạn 2016 - 2020);
- Tăng cường công tác hỗ trợ đào tạo nghề, thông tin thị trường lao động, dịch vụ việc làm, nhất là việc làm ở nông thôn.
- Tạo môi trường thuận lợi cho các doanh nghiệp đầu tư vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, nhất là doanh nghiệp ở nông thôn nhằm tạo việc làm.

Chủ trì: Sở Lao động thương binh và Xã hội

Phối hợp: Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Giáo dục và đào tạo; sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải; Sở Nông nghiệp và PTNT; Sở Công thương; Sở Tư pháp; Liên đoàn LĐ tỉnh; Đài PTTT; Tỉnh đoàn; Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh; các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Mục tiêu 8.6: Đến năm 2030, giảm đáng kể tỷ lệ thanh niên không có việc làm, không đi học hoặc đào tạo. Chủ động thực hiện hiệu quả Hiệp ước Việc làm Toàn cầu của ILO

- Đầu tư phát triển hạ tầng dịch vụ thị trường lao động, tín dụng ưu đãi cho thanh niên, nhất là thanh niên nông thôn vay vốn tạo việc làm.
- Mở rộng các hình thức tư vấn nghề, nâng cao năng lực cũng như hiệu quả hoạt động các trung tâm dịch vụ việc làm cho thanh niên.
- Tạo môi trường thuận lợi cho các doanh nghiệp đầu tư vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, nhất là doanh nghiệp ở nông thôn nhằm tạo việc làm, nhất là việc làm cho thanh niên.
- Xây dựng các mối quan hệ chặt chẽ giữa dạy nghề với thị trường lao động.

Chủ trì: Sở Lao động thương binh và Xã hội

Phối hợp: Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Giáo dục và đào tạo; sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải; Sở Nông nghiệp và PTNT; Sở Công thương; Sở Tư pháp; Liên đoàn LĐ tỉnh; Đài PTTT; Tỉnh đoàn; Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh; các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Mục tiêu 8.7: Thực hiện kịp thời và hiệu quả các biện pháp để xóa bỏ lao động ép buộc, chấm dứt nạn buôn người và nô lệ hiện đại; ngăn chặn và xóa bỏ lao động trẻ em dưới mọi hình thức

<ul style="list-style-type: none"> Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục về luật pháp, chính sách liên quan tới lao động trẻ em, nạn buôn người và nô lệ hiện đại, lao động ép buộc. Huy động sự tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, Tỉnh Đoàn, Hội Liên hiệp Phụ nữ trong công tác tuyên truyền, giáo dục và nâng cao nhận thức xã hội về các hình thức lao động nói trên. 	<p>Chủ trì: Sở Lao động thương binh và Xã hội</p> <p>Phối hợp: Công an tỉnh; Sở Nội vụ; Sở tư pháp; Sở Thông tin và truyền thông; Liên đoàn lao động tỉnh; Đài PTTH; Tỉnh đoàn; Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh; các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và UBND các huyện, thị xã, thành phố.</p>
---	---

Mục tiêu 8.8: Bảo vệ quyền lao động; đảm bảo môi trường làm việc an toàn cho tất cả người lao động, đặc biệt là lao động nữ di cư và lao động làm trong khu vực phi chính thức

<ul style="list-style-type: none"> Tăng cường công tác giáo dục tuyên truyền tại doanh nghiệp và nâng cao trách nhiệm của chủ doanh nghiệp, người sử dụng lao động về bảo đảm an toàn cho người lao động. Tổ chức thực hiện Chương trình quốc gia về an toàn, vệ sinh lao động giai đoạn 2016 - 2020; Xây dựng và tổ chức thực hiện dự án tăng cường an toàn lao động, vệ sinh lao động. 	<p>Chủ trì: Sở Lao động thương binh và Xã hội</p> <p>Phối hợp: Công an tỉnh; Sở tư pháp; Liên đoàn LD tỉnh; Đài PTTH; Tỉnh đoàn; Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh; các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và UBND các huyện, thị xã, thành phố.</p>
--	--

Mục tiêu 8.9: Đến năm 2030, phát triển du lịch bền vững, tạo việc làm, tạo sản phẩm và dịch vụ du lịch có khả năng cạnh tranh với các nước trong khu vực và thế giới; thúc đẩy quảng bá văn hóa và sản phẩm địa phương

<ul style="list-style-type: none"> Tăng cường xúc tiến, quảng bá du lịch, hình thành các sản phẩm du lịch đặc trưng của địa phương như xây dựng một số điểm du lịch cộng đồng, du lịch văn hóa, lịch sử, du lịch sinh thái...; Liên kết với các tỉnh Tây nguyên, duyên hải miền Trung, với TP Hồ Chí Minh, TP Hà Nội và Tổng Công ty Hàng không Việt Nam để tăng lượng hành khách nội địa đến Gia Lai. Xây dựng tuyến du lịch gắn với các tỉnh Campuchia, Lào qua cửa khẩu Quốc tế Lệ Thanh; một số điểm phát triển du lịch để khai thác các thế mạnh du lịch địa phương Tăng cường sự phối hợp giữa các ngành, các cấp và địa phương trong việc xây dựng và phát triển thương hiệu du lịch để đảm bảo tính thống nhất. 	<p>Chủ trì: Sở Văn hóa, thể thao và du lịch</p> <p>Phối hợp: Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Tài chính; Sở Tài nguyên và môi trường; Công an tỉnh; Sở Giao thông vận tải; Sở Xây dựng các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và UBND các huyện, thị xã, thành phố.</p>
--	--

- Phát huy vai trò của chính quyền và cộng đồng địa phương đối với phát triển, quảng bá văn hóa và sản phẩm địa phương, góp phần tạo việc làm, tăng thu nhập và giảm nghèo.

Mục tiêu 8.10: Tăng cường năng lực các thể chế tài chính trong nước nhằm khuyến khích và mở rộng khả năng tiếp cận các dịch vụ tài chính ngân hàng và bảo hiểm cho mọi người

- Tiếp tục mở rộng mạng lưới chi nhánh, phòng giao dịch tại khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa; phát triển mạnh các kênh phân phối điện tử để tăng khả năng tiếp cận dịch vụ của khách hàng.

- Nâng cao chất lượng tín dụng, kiểm soát chất lượng tín dụng và giảm nợ xấu; tăng cường quản trị rủi ro, nâng cao hiệu quả hệ thống kiểm soát, kiểm toán nội bộ của các tổ chức tín dụng.

Chủ trì: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Gia Lai

Phối hợp: Các sở, ban ngành; các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Mục tiêu 9: Xây dựng cơ sở hạ tầng có khả năng chống chịu cao, thúc đẩy công nghiệp hóa bao trùm và bền vững, tăng cường đổi mới.

Mục tiêu 9.1: Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông đồng bộ, chất lượng, đáng tin cậy, có khả năng chống chịu và bền vững, bao gồm cả cơ sở hạ tầng liên vùng và biên giới để hỗ trợ phát triển kinh tế và chất lượng cuộc sống của người dân với mục tiêu tiếp cận công bằng và trong khả năng chi trả cho tất cả mọi người

- Phát triển kết cấu hạ tầng giao thông đồng bộ, hiện đại tạo nên mạng lưới hoàn chỉnh, liên hoàn, liên kết giữa các phương thức vận tải, giữa các vùng lãnh thổ, giữa đô thị và nông thôn.

- Phát triển hợp lý hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông đô thị và vận tải công cộng; duy trì, cung cấp và nâng cấp mạng lưới giao thông hiện có theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật.

- Coi trọng công tác bảo trì, áp dụng công nghệ tiên tiến, đảm bảo hiệu quả, bền vững trong khai thác kết cấu hạ tầng giao thông hiện có.

- Nâng cao năng lực vận tải đảm bảo giao thông được thông suốt, an toàn.

Chủ trì: Sở Giao thông Vận tải

Phối hợp: Các Sở, ban ngành có liên quan và UBND các .

Mục tiêu 9.2: Đến năm 2030, thúc đẩy công nghiệp hóa bao trùm và bền vững; nâng cấp kết cấu hạ tầng và các ngành công nghiệp hỗ trợ hướng tới sự bền vững, tăng hiệu quả sử dụng nguồn lực và áp dụng công nghệ, quy trình sản xuất sạch và thân thiện với môi trường; tăng đáng kể tỷ lệ việc làm và tổng sản phẩm quốc nội của ngành công nghiệp

- Duy trì tăng trưởng công nghiệp bền vững, xây dựng nền “công nghiệp xanh”. Từng bước điều chỉnh mô hình tăng trưởng công nghiệp từ chủ yếu dựa trên số lượng sang dựa trên năng suất, chất lượng và hiệu quả, đẩy mạnh phát triển các ngành và sản phẩm công nghiệp có giá trị gia tăng cao, giá trị xuất khẩu lớn; gắn kết sản xuất với phát triển dịch vụ công nghiệp.

- Thực hiện tái cơ cấu ngành công nghiệp theo hướng hiện đại: ưu tiên phát triển và chuyển giao công nghệ đổi mới với các ngành, các lĩnh vực có lợi thế cạnh tranh và công nghệ hiện đại, tiên tiến. Điều chỉnh phân bổ không gian công nghiệp hợp lý nhằm phát huy sức mạnh liên kết giữa các ngành, vùng, địa phương để tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu.

- Tập trung phát triển công nghiệp hỗ trợ, đặc biệt là nhóm sản phẩm cơ khí phục vụ sản xuất nông nghiệp và phát triển nông thôn, đồng thời tham gia vào mạng lưới sản xuất theo chuỗi liên vùng, khu vực.

- Chú trọng phát triển ngành công nghiệp chế biến từ các nguyên liệu sẵn có trên địa bàn như cà phê, tiêu, ...

- Đẩy nhanh ứng dụng công nghệ mới, công nghệ hiện đại nhằm tạo sự đột phá về công nghệ trong sản xuất đổi mới những ngành công nghiệp chủ lực, công nghiệp có lợi thế cạnh tranh của tỉnh.

- Duy trì tăng trưởng công nghiệp bền vững, xây dựng nền “công nghiệp xanh”. Từng bước điều chỉnh mô hình tăng trưởng công nghiệp từ chủ yếu dựa trên số lượng sang dựa trên năng suất, chất lượng và hiệu quả, đẩy mạnh phát triển các ngành và sản phẩm công nghiệp có giá trị gia tăng cao, giá trị xuất khẩu lớn; gắn kết sản xuất với phát triển dịch vụ công nghiệp.

- Thực hiện tái cơ cấu ngành công nghiệp theo hướng hiện đại: ưu tiên phát triển và chuyển giao công nghệ đổi mới với các ngành, các lĩnh vực có lợi thế cạnh tranh và công nghệ hiện đại, tiên tiến. Điều chỉnh phân bổ không gian công nghiệp hợp lý nhằm phát huy sức mạnh liên kết giữa các ngành, vùng, địa phương để tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu.

- Tập trung phát triển công nghiệp hỗ trợ, đặc biệt là nhóm sản phẩm cơ khí phục vụ sản xuất nông nghiệp và phát triển nông thôn, đồng thời tham gia vào mạng lưới sản xuất theo chuỗi liên vùng, khu vực.

Chủ trì: Sở Công Thương

Phối hợp: Sở kế hoạch và Đầu tư, Sở khoa học và Công nghệ; các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Chủ trì: Sở Công Thương

Phối hợp: Sở kế hoạch và Đầu tư, Sở khoa học và Công nghệ; các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và UBND các huyện, thị xã, thành phố.

<ul style="list-style-type: none"> - Chủ trọng phát triển ngành công nghiệp chế biến từ các nguyên liệu sẵn có trên địa bàn như cà phê, tiêu, ... - Đẩy nhanh ứng dụng công nghệ mới, công nghệ hiện đại nhằm tạo sự đột phá về công nghệ trong sản xuất đối với những ngành công nghiệp chủ lực, công nghiệp có lợi thế cạnh tranh của tỉnh. 	
Mục tiêu 9.3: Tăng khả năng tiếp cận của các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ, đối với các dịch vụ ngân hàng, bao gồm cả dịch vụ tín dụng trong khả năng chi trả; tăng cường sự tham gia của doanh nghiệp vào thị trường và chuỗi giá trị	
a) Hỗ trợ tiếp cận tín dụng	
<ul style="list-style-type: none"> - Đơn giản hóa thủ tục vay vốn, bảo đảm an toàn vốn vay và phù hợp với quy định pháp luật: nâng cao năng lực thẩm định để rút ngắn thời gian giải quyết cho vay, tạo điều kiện cho doanh nghiệp tiếp cận vốn tín dụng. - Ưu tiên tập trung vốn cho vay doanh nghiệp nhỏ và vừa. Triển khai có hiệu quả chương trình kết nối Ngân hàng - Doanh nghiệp. 	Chủ trì: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Gia Lai Phối hợp: Các Sở, ban ngành; các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và UBND các huyện, thị xã, thành phố.
b) Hỗ trợ tiếp cận thị trường	
<ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ tiếp cận thị trường cho các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp của tỉnh trong chuỗi giá trị sản xuất. - Nâng cao năng lực hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa của các tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. 	Chủ trì: Sở Công Thương Phối hợp: Các Sở, ban ngành; các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và UBND các huyện, thị xã, thành phố.
Mục tiêu 9.4: Tăng cường nghiên cứu khoa học, nâng cao năng lực công nghệ của các ngành công nghiệp; khuyến khích sáng chế phát minh; đến năm 2030 tăng đáng kể tỷ lệ người làm việc trong lĩnh vực nghiên cứu và triển khai; tăng đầu tư cho nghiên cứu và triển khai.	
<ul style="list-style-type: none"> - Đổi mới cơ chế xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách đối với hoạt động khoa học công nghệ. Thực hiện cơ chế đặt hàng và cơ chế khoán chi phí theo kết quả đầu ra. Khuyến khích doanh nghiệp phát triển ứng dụng khoa học và công nghệ mới. Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu triển khai, ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ vào phát triển kinh tế - xã hội; đặc biệt chú trọng nâng cao hàm lượng khoa học trong phát triển các vùng chuyên canh, vùng sản xuất tập trung và các sản phẩm có lợi thế. Tăng cường bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về sở hữu trí tuệ. 	Chủ trì: Sở Khoa học và công nghệ Phối hợp: Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính; Sở Tài nguyên và môi trường; Sở Công thương; Sở Giao thông vận tải; Sở Xây dựng các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và UBND các huyện, thị xã, thành phố .

- Tăng cường ứng dụng tiến bộ kỹ thuật và chuyên giao công nghệ; xây dựng khu công nghiệp áp dụng kỹ thuật cao phục vụ cho việc nâng cao chất lượng, hiệu quả sản xuất, chú trọng đầu tư áp dụng các tiến bộ mới như giống cây trồng lai ghép, trại vụ, vật nuôi lai tạo, đặc biệt các giống cây công nghiệp tạo hàng hoá lớn có tính ưu việt về năng suất, chất lượng, ít bị sâu bệnh, thích nghi với điều kiện của địa phương. Nghiên cứu và triển khai các mô hình đa dạng hoá các loại cây trồng, vật nuôi, áp dụng công nghệ mới trong tưới tiêu để nâng cao hiệu quả kinh tế trên một đơn vị diện tích, hàng hoá có sức cạnh tranh cao hơn. Hỗ trợ nâng cao trình độ cơ giới trong nông nghiệp, hỗ trợ phát triển công nghệ sau thu hoạch.
- Tạo môi trường thuận lợi, điều kiện vật chất phù hợp với điều kiện của tỉnh để cán bộ khoa học và công nghệ phát triển tài năng và hưởng lợi xứng đáng với giá trị lao động sáng tạo của mình.
- Tăng cường hợp tác khoa học công nghệ với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, qua đó lựa chọn công nghệ tiên tiến và phù hợp để áp dụng tại địa phương nhằm tập trung giải quyết chương trình chuyển giao công nghệ mới, sản phẩm mới trong ngành công nghiệp chế biến nông sản thực phẩm. Có chính sách tập trung hỗ trợ, tài trợ để khuyến khích đổi mới công nghệ tiên tiến; liên kết, hợp tác giữa các doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường đại học trong việc đổi mới công nghệ, đổi mới sản phẩm mới. Thực hiện các chính sách hỗ trợ, khuyến khích các doanh nghiệp khởi nghiệp, chủ động đầu tư cho hoạt động nghiên cứu và ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ vào sản xuất, kinh doanh, nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh và hiệu quả sản xuất kinh doanh;
- Triển khai xây dựng các mô hình trình diễn ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất nông nghiệp: Mô hình ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao, mô hình sản xuất ứng phó với biến đổi khí hậu, các mô hình ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất ứng phó với biến đổi khí hậu, các mô hình ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp. Trong đó ưu tiên thực hiện các mô hình tại các địa phương đã và đang xây dựng nông thôn mới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; ưu tiên các nhiệm vụ gắn với chuỗi liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

Mục tiêu 9.5: Đến năm 2030, đảm bảo phát triển hạ tầng công nghệ thông tin đến từng địa bàn, đặc biệt là miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo; đảm bảo 100% hộ gia đình có khả năng tiếp cận hệ thống thông tin truyền thông

<ul style="list-style-type: none"> - Đầu tư phát triển hạ tầng thông tin truyền thông cho vùng sâu, vùng xa, miền núi, hải đảo. - Hỗ trợ hộ nghèo, cận nghèo về điều kiện tiếp cận hệ thống thông tin truyền thông. 	<p>Chủ trì: Sở Thông tin và truyền thông. Phối hợp: Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính; Ban dân tộc và UBND các huyện, thị xã, thành phố.</p>
---	---

Mục tiêu 10: Giảm bất bình đẳng trong xã hội.

Mục tiêu 10.1: Đến năm 2030, dần đạt được và duy trì tốc độ tăng thu nhập của nhóm 40% dân số thu nhập thấp nhất cao hơn tốc độ tăng bình quân quốc gia

<ul style="list-style-type: none"> - Triển khai các giải pháp tạo việc làm, đào tạo nghề, khuyến nông, khuyến công, khuyến lâm, khuyến ngư, tiếp cận tín dụng ưu đãi, tăng cường chính sách an sinh xã hội. 	<p>Chủ trì: Sở Lao động, thương binh và xã hội Phối hợp: Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính; Sở Nông nghiệp và PTNT; Sở Công thương; Ban dân tộc; các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và UBND các huyện, thị xã, thành phố.</p>
--	---

Mục tiêu 10.2: Đến năm 2030, trao quyền và đầy mạnh sự tham gia chính trị, kinh tế và xã hội của tất cả mọi người, không kể tuổi tác, giới tính, khuyết tật, sắc tộc, dân tộc, nguồn gốc, tôn giáo, điều kiện kinh tế hoặc điều kiện khác.

<p>Thực hiện theo chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ Nội vụ về chính sách khuyến khích sự tham gia của tất cả mọi người vào chính trị, kinh tế và xã hội của tất cả mọi người, không kể tuổi tác, giới tính, khuyết tật, sắc tộc, dân tộc, nguồn gốc, tôn giáo, điều kiện kinh tế và các điều kiện khác</p>	<p>Chủ trì: Sở Nội vụ Phối hợp: Các Sở, ngành có liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố</p>
--	---

Mục tiêu 10.3: Đảm bảo cơ hội bình đẳng và giảm bất bình đẳng trong hưởng lợi cho tất cả mọi người.

<ul style="list-style-type: none"> - Lồng ghép vấn đề “bình đẳng trong hưởng lợi cho tất cả mọi người” vào Kế hoạch Phát triển kinh tế - xã hội hàng năm, 5 năm. 	<p>Chủ trì: Sở Lao động, thương binh và xã hội Phối hợp: Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tư pháp; Sở Tài chính; các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và UBND các huyện, thị xã, thành phố.</p>
---	--

Mục tiêu 10.4: Xây dựng và thực thi các chính sách, đặc biệt là các chính sách tài khóa, tiền lương và an sinh xã hội ngày càng đạt được bình đẳng cao hơn.

a.

- Bảo đảm tính công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình và có sự tham gia trong thực hiện các chính sách tiền lương và an sinh xã hội, nhất là các chính sách đối với người nghèo, người trong hoàn cảnh dễ bị tổn thương.

Chủ trì: Sở Lao động, thương binh và xã hội

Phối hợp: Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tư pháp; Sở Tài chính; các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và UBND các huyện, thị xã, thành phố.

b.

Tham gia góp ý hoàn thiện chính sách pháp luật hiện hành về tài khóa theo hướng bao trùm, đảm bảo mọi người được bình đẳng trong tiếp cận các chương trình hỗ trợ từ ngân sách.

Chủ trì: Sở Tài chính

Phối hợp: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Tư pháp, Sở Kế hoạch và Đầu tư, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, UBND các huyện, thị xã, thành phố

Mục tiêu 10.6: Tạo thuận lợi cho việc di cư và di chuyển của người dân một cách có trật tự, an toàn, thường xuyên và trách nhiệm, bao gồm cả việc thực hiện các chính sách di cư có kế hoạch và được quản lý tốt.

Tổ chức thực hiện nghiêm túc các quy định của Luật Nhập cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam và Thông tư 53/2016/TT-BCA ngày 28/12/2016 của Bộ Công an

Chủ trì: Công an tỉnh

Phối hợp: Các Sở, ngành có liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố

Mục tiêu 11: Phát triển đô thị, nông thôn bền vững, có khả năng chống chịu; đảm bảo môi trường sống và làm việc an toàn; phân bố hợp lý dân cư và lao động theo vùng.

Mục tiêu 11.1: Đến năm 2030, đảm bảo tất cả mọi người dân được tiếp cận với những dịch vụ cơ bản và dịch vụ nhà ở phù hợp, an toàn, trong khả năng chi trả; xây mới, nâng cấp, cải tạo các khu nhà ở không đảm bảo chất lượng

- Triển khai thực hiện các chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia phát triển nhà ở, cho thuê theo cơ chế thị trường nhằm đáp ứng nhu cầu của các đối tượng có khả năng chi trả (sau khi Trung ương ban hành).

Chủ trì: Sở Xây dựng

Phối hợp: Các Sở, ban ngành; các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và UBND các huyện, thị xã, thành phố.

- Tiếp tục thực hiện việc cài cách thủ tục hành chính và tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ gia đình, cá nhân tự xây dựng nhà ở theo quy định do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.
- Đẩy nhanh việc lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch chi tiết để làm cơ sở tổ chức triển khai các dự án phát triển nhà ở và tạo điều kiện cho các hộ gia đình, cá nhân xây dựng, cải tạo nhà ở theo quy hoạch.

Mục tiêu 11.2: Đến năm 2030, đảm bảo mọi người dân được tiếp cận với hệ thống giao thông an toàn, trong khả năng chi trả, thuận tiện và bền vững; cải thiện an toàn giao thông, mở rộng giao thông công cộng với chú ý đặc biệt tới nhu cầu của phụ nữ, trẻ em, người khuyết tật và người cao tuổi.

- Tiếp tục khuyến khích phát triển phương tiện vận tải công cộng, phương tiện phải đảm bảo tính hiện đại, tiết kiệm nhiên liệu và thân thiện với môi trường. Phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ vận tải công cộng đặc biệt là hệ thống xe buýt. Tăng cường kết nối các phương thức vận tải, chú trọng kết nối giữa đường bộ và đường hàng không; phát triển dịch vụ logistic...
- Đầu tư phát triển hệ thống giao thông có chú ý đến điều kiện của người khuyết tật, người cao tuổi, phụ nữ và trẻ em; thực hiện chính sách miễn giảm giá vé, giá dịch vụ giao thông công cộng đối với người khuyết tật, trẻ em theo quy định.
- Thúc đẩy cài tạo và nâng cấp sửa chữa các đường dẫn bến xe, bến đỗ, công trình vệ sinh, phương tiện giao thông để người khuyết tật tiếp cận.
- Tuyên truyền cho đội ngũ lái xe, phụ xe về việc hỗ trợ hành khách là người khuyết tật.
- Tổ chức thẩm định các đồ án thiết kế công trình giao thông tuân thủ theo QCVN 10:2014/BXD của Bộ Xây dựng và các tiêu chuẩn kỹ thuật khác đảm bảo điều kiện thuận lợi cho người khuyết tật, người cao tuổi tiếp cận sử dụng.

Mục tiêu 11.3: Đến năm 2030, tăng cường năng lực lập quy hoạch và phát triển đô thị bao trùm và bền vững, có sự tham gia của cộng đồng

- Thực hiện quy trình tham gia của cộng đồng vào các đồ án quy hoạch, các dự án phát triển đô thị; công tác quản lý đô thị.

Chủ trì: Sở Giao thông Vận tải

Phối hợp: Các Sở, ban ngành; các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Chủ trì: Sở Xây dựng

Phối hợp: Các Sở, ban ngành; các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội

<ul style="list-style-type: none"> - Khuyến khích sử dụng các vật liệu xây dựng mới tiên tiến, thân thiện môi trường; công nghệ mới trong xây dựng nhà ở đảm bảo chất lượng tốt, giá thành hạ. - Nghiên cứu các giải pháp sử dụng tiết kiệm năng lượng trong các công trình nhà ở, công sở, dịch vụ, các giải pháp phát triển đô thị xanh đảm bảo đô thị hóa nhanh, bền vững. - Rà soát việc thực hiện quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị đảm bảo tính thống nhất, hiệu quả trong việc phối hợp với thực hiện quy hoạch ngành và quy hoạch kinh tế - xã hội. Nâng cao chất lượng công tác quy hoạch và quản lý thực hiện quy hoạch các cấp. 	<ul style="list-style-type: none"> - nghề nghiệp và UBND các huyện, thị xã, thành phố.
<p>Mục tiêu 11.4: Tăng cường bảo vệ và bảo đảm an toàn các di sản văn hóa và thiên nhiên của thế giới và các di sản văn hóa phi vật thể được UNESCO công nhận.</p>	<p>Chủ trì: Sở Văn hóa thể thao và du lịch</p> <p>Phối hợp: Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tư pháp; Sở Tài chính; Công an tỉnh; Sở Nội vụ; Sở Nông nghiệp và PTNT; Sở Tài nguyên và môi trường; Sở Thông tin và truyền thông; Đài PTTH; các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và UBND các huyện, thị xã, thành phố.</p>
<p>Mục tiêu 11.5: Đến năm 2030, giảm đáng kể số người chết và bị ảnh hưởng và giảm đáng kể thiệt hại kinh tế trực tiếp do thiên tai, thảm họa gây ra so với GDP, chú trọng bảo vệ người nghèo và người dễ bị tổn thương.</p>	<p>Chủ trì: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</p> <p>Phối hợp: Các Sở, ban ngành; các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và UBND các huyện, thị xã, thành phố.</p>
<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện đồng bộ các giải pháp chủ động phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh. Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai. Thực hiện có hiệu quả công tác tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ. - Tăng cường đầu tư cơ sở hạ tầng vùng thường xuyên bị thiên tai; tổ chức di dời dân sinh sống ở khu vực nguy hiểm tới nơi an toàn; hỗ trợ về đời sống và sản xuất đối với đối tượng bị thiệt hại do thiên tai. Làm tốt công tác xã hội hóa trong phòng chống thiên tai. 	

Mục tiêu 11.6: Giảm tác động có hại của môi trường tới con người tại các đô thị, tăng cường quản lý chất lượng không khí, chất thải đô thị và các nguồn chất thải khác.

- Xây dựng quy hoạch xử lý chất thải tại các đô thị. Vận hành tốt hệ thống thu gom, xử lý chất thải.
- Xử lý nước thải tập trung tại các đô thị loại IV trở lên đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trước khi xả ra môi trường, áp dụng chế độ kiểm tra, quan trắc nước thải sau xử lý theo các quy định hiện hành.

Chủ trì: Sở Xây dựng

Phối hợp: Các Sở, ban ngành; các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Mục tiêu 11.7: Đến năm 2030, đảm bảo tiếp cận phổ cập với không gian công cộng xanh, an toàn và thân thiện cho toàn dân, đặc biệt đối với phụ nữ, trẻ em, người cao tuổi và người khuyết tật.

- Rà soát quy hoạch tổng thể các đô thị từ cách tiếp cận đô thị bền vững (đô thị xanh, sinh thái và kinh tế....) và Quy hoạch không gian đô thị đảm bảo hiệu quả kinh tế - sinh thái.
- Khuyến khích đầu tư, tăng cường huy động các nguồn lực trong xã hội để phát triển các không gian xanh trong các dự án đô thị, khu dân cư.

Chủ trì: Sở Xây dựng

Phối hợp: Các Sở, ban ngành; các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Mục tiêu 11.8: Hỗ trợ việc kết nối thông suốt về kinh tế, xã hội, môi trường giữa nội, ngoại thành và nông thôn thông qua việc tăng cường công tác quy hoạch phát triển của quốc gia, vùng và của tỉnh.

Thực hiện theo hướng dẫn, chỉ đạo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về xây dựng quy hoạch quốc gia và vùng có tính kết nối thông suốt về kinh tế, xã hội, môi trường giữa nội, ngoại thành và nông thôn

- Triển khai hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020, đồng thời gắn kết các nội dung của phát triển nông thôn bền vững trong các quy hoạch, kế hoạch phát triển của địa phương.

Chủ trì: Sở Kế hoạch và Đầu tư

Phối hợp: Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố

Mục tiêu 11.9: Đến năm 2030, tăng đáng kể số đô thị và khu dân cư áp dụng quy hoạch và chính sách tích hợp hưởng lợi sự bao trùm, hiệu quả nguồn lực, giảm nhẹ và thích ứng với biến đổi khí hậu, tăng khả năng chống chịu trước thảm họa.

Thực hiện các chính sách và pháp luật hiện hành về phát triển đô thị, hướng tới sự bao trùm, giảm nhẹ và thích ứng với biến đổi khí hậu, tăng cường khả năng chống chịu trước thảm họa của các đô thị phù hợp với tình hình thực tế của địa phương (*Sau khi Trung ương ban hành*).

Chủ trì: Sở Xây dựng

Phối hợp: Các Sở, ban ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Mục tiêu 11.10: Phát triển nông thôn bền vững, đảm bảo hài hòa các khía cạnh phát triển kinh tế; đô thị hóa; bao trùm; bảo vệ môi trường sinh thái; xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân nông thôn xét trên các khía cạnh kinh tế, văn hóa, xã hội, môi trường và dân chủ.

- Triển khai hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.
- Thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới gắn với bảo vệ môi trường.
- Cải thiện đời sống vật chất ở nông thôn theo hướng ngày càng đầy đủ tiện nghi và đời sống văn hóa, tinh thần ngày càng văn minh, tiến bộ; giảm dần khoảng cách giữa nông thôn và đô thị.
- Xây dựng và thực hiện những chương trình thúc đẩy sử dụng đất đai, nguồn nước ở các địa phương; Áp dụng những hệ thống sản xuất kết hợp nông - lâm, nông - lâm - ngư nghiệp phù hợp với điều kiện sinh thái của từng vùng nhằm sử dụng tổng hợp và có hiệu quả các loại tài nguyên thiên nhiên.
- Đẩy mạnh quá trình cơ cấu lại kinh tế, giống cây trồng vật nuôi và sử dụng nguồn lao động nông thôn. Da dạng hóa cơ cấu sản xuất kinh doanh nhằm tạo thêm việc làm tại chỗ, nâng cao thu nhập, phân công lại lao động nông thôn.

Chủ trì: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Phối hợp: Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Kế hoạch và Đầu tư; các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Mục tiêu 12: Đảm bảo mô hình sản xuất và tiêu dùng bền vững.

Mục tiêu 12.1: Thực hiện Khung chương trình 10 năm về sản xuất và tiêu dùng bền vững theo cam kết quốc tế.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình hành động quốc gia về sản xuất và tiêu dùng bền vững đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.
- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, từng bước nâng cao nhận thức cho người dân để hình thành nên các hành vi tiêu dùng tích cực, thông thái, thực hiện lối sống bền vững. Có các giải pháp thích hợp để điều chỉnh những hành vi tiêu dùng không hợp lý, phát triển và phổ biến các mô hình tiêu dùng bền vững, tiêu dùng có trách nhiệm.
- Nâng cao khả năng tiếp cận thị trường và thúc đẩy xuất khẩu các sản phẩm xuất khẩu trọng điểm của tỉnh theo hướng bền vững.

Chủ trì: Sở Công Thương

Phối hợp: Các Sở, ban ngành; các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Mục tiêu 12.2: Đến năm 2030, đạt được quản lý bền vững và sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên; khai thác hợp lý và sử dụng tiết kiệm, bền vững tài nguyên khoáng sản.

a. Quản lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên

- Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến, giáo dục, nâng cao nhận thức và trách nhiệm về bảo vệ các nguồn tài nguyên, khoáng sản.
- Xây dựng quy chế quản lý tài nguyên và bảo vệ, khai thác, sử dụng hợp lý, hiệu quả, bền vững các nguồn tài nguyên.
- Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư khảo sát, thăm dò, sản xuất, chế biến tài nguyên sử dụng công nghệ tiên tiến, thân thiện môi trường, nâng cao chất lượng sản phẩm, hiệu quả sử dụng, tạo giá trị kinh tế cao.
- Tổ chức thực hiện công tác quy hoạch khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh đảm bảo cho việc cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm và hiệu quả, đáp ứng được nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của địa phương đồng thời chú trọng đến công tác bảo vệ môi trường trong hoạt động khoáng sản.
- Thống kê, kiểm kê, đánh giá hiện trạng khai thác, sử dụng khoáng sản, các nguồn tài nguyên khoáng sản đã phát hiện trên địa bàn tỉnh, đề xuất các giải pháp quản lý, định hướng phát triển và kiểm soát chặt chẽ các hoạt động thăm dò, khai thác.
- Thống kê, kiểm kê, đánh giá hiện trạng khai thác. Sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước. Kiểm soát chặt chẽ các hoạt động khoan thăm dò, khai thác nước dưới đất, các nguồn xả thải vào nguồn nước từ các hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn tỉnh.

Chủ trì: Sở Tài nguyên và Môi trường

Phối hợp: Các Sở, ban ngành; các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và UBND các huyện, thị xã, thành phố .

b. Khai thác tài nguyên

- Thúc đẩy phát triển, sử dụng năng lượng mới, năng lượng tái tạo, các nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu mới thay thế các nguồn tài nguyên truyền thống, nhất là nguồn nhiên liệu như than, cùi làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường.

Chủ trì: Sở Công Thương

Phối hợp: Các Sở, ban ngành; các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và UBND các huyện, thị xã, thành phố.

- Khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm và hiệu quả tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh, đảm bảo dự trữ hợp lý tài nguyên khoáng sản nhằm phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế địa phương trước mắt và lâu dài; hạn chế việc xuất khẩu tài nguyên thô; đẩy mạnh công tác bảo vệ môi trường, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản.

Chủ trì: Sở Tài nguyên và Môi trường

Phối hợp: Các Sở, ban ngành; các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và UBND các huyện, thị xã, thành phố .

Mục tiêu 12.3: Đến năm 2030, giảm một nửa chất thải lượng thực tinh theo đầu người và giảm tồn thải lượng thực trong chuỗi sản xuất và cung ứng, bao gồm cả những tồn thải sau thu hoạch.

a. Đối với khâu sản xuất

- Tăng cường áp dụng công nghệ sau thu hoạch, phát triển các dự án ứng dụng khoa học công nghệ, chuyên giao công nghệ về giảm tồn thải sau thu hoạch.
- Triển khai có hiệu quả Kế hoạch xây dựng cảnh đồng lớn đối với các sản phẩm hàng hóa có lợi thế trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016-2025; xây dựng và phát triển chuỗi cung ứng bền vững cho các sản phẩm nông sản.

Chủ trì: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Phối hợp: Sở Công Thương, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Khoa học và Công nghệ; các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và UBND các huyện, thị xã, thành phố.

b. Đối với tiêu dùng

- Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, vận động thay đổi hành vi tiêu dùng, thực hiện tiêu dùng bền vững, tiến tới xây dựng xã hội ít chất thải, các bon thấp.
- Phát triển và phổ biến các mô hình tiêu dùng bền vững, tiêu dùng có trách nhiệm.

Chủ trì: Sở Công Thương

Phối hợp: Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Thông tin và Truyền thông; các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Mục tiêu 12.4: Đến năm 2020, đạt quản lý tốt vòng đời của các loại hóa chất và chất thải theo các cam kết quốc tế đã ký kết, nhằm giảm ô nhiễm môi trường đất, nước, không khí và tác động có hại đến sức khỏe con người và môi trường.

a. Quản lý hóa chất

- Thực hiện nghiêm công tác quản lý đối với hoạt động hóa chất, đặc biệt là hóa chất độc. Xây dựng năng lực phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất.
- Áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, các yêu cầu về an toàn hóa chất, kết hợp kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm bảo đảm thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Chủ trì: Sở Công Thương

Phối hợp: Các Sở, ban ngành; các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và UBND các huyện, thị xã, thành phố.

b. Quản lý môi trường

- Rà soát báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của các dự án đầu tư, nhất là các dự án lớn có nguy cơ cao tác động xấu đến môi trường để có điều chỉnh kịp thời.

Chủ trì: Sở Tài nguyên và Môi trường

Phối hợp: Các Sở, ban ngành; các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội

<ul style="list-style-type: none"> - Tập trung xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; Tập trung nguồn lực hoàn thành việc xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trước năm 2020, đặc biệt là các bãi chôn lấp chất thải rắn, các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh. 	<ul style="list-style-type: none"> - nghề nghiệp và UBND các huyện, thị xã, thành phố.
<p>Mục tiêu 12.5: Đến năm 2030, giảm đáng kể lượng chất thải phát sinh, tăng cường giá trị kinh tế của nguồn tài nguyên chất thải thông qua việc phòng ngừa, giảm thiểu, tái chế và tái sử dụng, thu hồi năng lượng từ xử lý chất thải.</p>	
<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm soát chặt chẽ hoạt động xả thải. - Kiểm soát chặt chẽ hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý, thải bỏ, chôn lấp các loại chất thải, nhất là chất thải nguy hại; kiểm soát chặt chẽ đối với hoạt động nhập khẩu phế liệu. - Từng bước xây dựng, hình thành cơ sở dữ liệu về chất thải trên địa bàn tỉnh; tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động phát sinh chất thải - Tập trung giải quyết các vấn đề môi trường đô thị, khu vực dân cư nông thôn, làng nghề, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, cơ sở sản xuất phát sinh nhiều chất thải, ...; Khoanh vùng, xử lý, cải tạo các khu vực bị ô nhiễm, nhất là ô nhiễm tồn lưu hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật. - Tăng cường thực thi pháp luật, giám sát, kiểm tra, thanh tra, xử lý nghiêm các vi phạm về xả thải gây ô nhiễm môi trường không khí, đất và nước. 	<p>Chủ trì: Sở Tài nguyên và Môi trường</p> <p>Phối hợp: Các Sở, ban ngành; các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và UBND các huyện, thị xã, thành phố.</p>
<p>Mục tiêu 12.7: Đảm bảo các hoạt động mua sắm công bền vững .</p>	
a.	
<p>Thực hiện theo hướng dẫn, chỉ đạo của Bộ Tài chính về hoạt động mua sắm công bền vững</p>	<p>Chủ trì: Sở Tài chính</p> <p>Phối hợp: Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố</p>
b.	
<ul style="list-style-type: none"> - Tham gia rà soát, sửa đổi các quy định hiện hành về đấu thầu và đầu tư công theo hướng lồng ghép các yêu cầu áp dụng các tiêu chuẩn mua sắm xanh trong quá trình lựa chọn nhà cung cấp, nhà thầu cung ứng hàng hóa và dịch vụ cho các dự án đầu tư sử dụng ngân sách nhà nước. 	<p>Chủ trì: Sở Kế hoạch và Đầu tư</p> <p>Phối hợp: Các sở, ngành có liên quan</p>

Mục tiêu 12.8: Đến năm 2030, bảo đảm người dân ở mọi nơi có thông tin và nhận thức phù hợp về phát triển bền vững và cách sống hài hòa với thiên nhiên (Mục tiêu 12.8 toàn cầu)

<p>Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục, nâng cao nhận thức về phát triển bền vững trên sóng truyền thanh, truyền hình, các ấn phẩm sách, báo, tạp chí và hệ thống truyền thanh cơ sở tại xã, phường...đảm bảo phù hợp với từng nhóm đối tượng và từng khu vực</p> <p>Nghiên cứu phát triển và đa dạng hóa các loại hình tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số trong việc thực hiện chính sách, pháp luật, đồng thời phát huy các phong tục, tập quán và truyền thống tốt đẹp của dân tộc.</p>	<p>Chủ trì: Sở Thông tin và Truyền thông</p> <p>Phối hợp: Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố; Đài PTTH tỉnh; Báo Gia Lai; các tổ chức chính trị, xã hội, nghề nghiệp</p>
--	---

Mục tiêu 12.9: Hoàn thiện các chính sách về thuế, giá đồi với nhiên liệu hóa thạch và đồng thời có chính sách phù hợp nhằm bảo vệ người nghèo, những đối tượng hoặc nhóm đối tượng dễ bị tổn thương trước những tác động tiêu cực có thể xảy ra

<p>Thực hiện theo hướng dẫn, chỉ đạo của Bộ Tài chính về chính sách thuế, giá đồi với nhiên liệu hóa thạch phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương</p>	<p>Chủ trì: Sở Tài chính</p> <p>Phối hợp: Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố</p>
---	---

Mục tiêu 13: Ứng phó kịp thời, hiệu quả với biến đổi khí hậu và thiên tai.

Mục tiêu 13.1: Tăng cường khả năng chống chịu và thích nghi với rủi ro liên quan tới biến đổi khí hậu, ứng phó với thiên tai và các thảm họa tự nhiên khác.

a) Công tác phòng chống thiên tai

<p>Nghiên cứu và triển khai các giải pháp cụ thể để phòng chống hiệu quả thiên tai, lũ quét và sạt lở đất ở vùng núi; duy trì và vận hành có hiệu quả lâu dài.</p> <p>Thực hiện tăng trưởng xanh, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng tránh giảm nhẹ thiên tai nhất là bão lũ, hạn hán</p>	<p>Chủ trì: Sở Tài nguyên và Môi trường</p> <p>Phối hợp: Các Sở, ban ngành; các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và UBND các huyện, thị xã, thành phố.</p>
---	--

Mục tiêu 13.2: Lồng ghép các yếu tố biến đổi khí hậu vào các chính sách, quy hoạch và kế hoạch phát triển.

<p>Thực hiện việc lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào quy hoạch tỉnh, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm của tỉnh, huyện, thị xã, thành phố</p>	<p>Chủ trì: Sở Kế hoạch và Đầu tư</p> <p>Phối hợp: Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố</p>
--	--

Mục tiêu 13.3: Giáo dục, nâng cao nhận thức, năng lực và thể chế trong cảnh báo sớm, ứng phó với biến đổi khí hậu và giảm nhẹ rủi ro thiên tai.

a. Công tác tuyên truyền, nâng cao năng lực

- Rà soát, kiện toàn, cung cấp bộ máy chỉ đạo, chỉ huy phòng chống thiên tai các cấp, các ngành để đảm bảo hiệu quả hoạt động trong chỉ đạo điều hành và quản lý thông suốt, đáp ứng được các nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội trước các tác động do biến đổi khí hậu. Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai, giám sát biến đổi khí hậu.
- Tăng cường, đổi mới công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức, hình thành ý thức chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu.

Chủ trì: Sở Tài nguyên và Môi trường

Phối hợp: Các Sở, ban ngành; các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và UBND các huyện, thị xã, thành phố.

b. Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro

- Thực hiện hiệu quả Đề án Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng. Chủ trọng việc truyền thông, nâng cao nhận thức trong cộng đồng về giảm nhẹ rủi ro thiên tai và nâng cao năng lực ứng phó của cộng đồng về phòng, chống thiên tai.

Chủ trì: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Phối hợp: Các Sở, ban ngành; các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Mục tiêu 14: Bảo vệ và phát triển rừng bền vững, bảo tồn đa dạng sinh học, phát triển dịch vụ hệ sinh thái, chống sa mạc hóa, ngăn chặn suy thoái và phục hồi tài nguyên đất.

Mục tiêu 14.1: Đến năm 2030, đảm bảo sự bảo tồn, phục hồi và sử dụng bền vững các hệ sinh thái đất ngập nước quan trọng, các dịch vụ hệ sinh thái, đặc biệt là các hệ sinh thái rừng và đất khô hạn theo các quy định quốc tế.

Thực hiện đúng quy hoạch, quản lý và khai thác, sử dụng hợp lý, hiệu quả và bền vững các nguồn tài nguyên quốc gia

Chủ trì: Sở Tài nguyên và Môi trường

Phối hợp: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công thương; các sở, ban ngành có liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Mục tiêu 14.2: Đến năm 2020, giảm cơ bản việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất rừng sang mục đích khác; đến năm 2030, tăng cường thực hiện quản lý bền vững các loại rừng, ngăn chặn chặt phá rừng, phục hồi rừng đã suy thoái, đẩy mạnh trồng và tái sinh rừng, đưa độ che phủ rừng lên khoảng 50% (tính đến năm 2025).

- Chấm dứt chuyển đổi rừng tự nhiên sang mục đích sử dụng khác (trừ các dự án phục vụ mục đích an ninh, quốc phòng đặc biệt được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt); Quản lý rừng thống nhất trên cơ sở thiết lập lâm phận ổn định.
- Tiếp tục hoàn thiện chính sách giao, cho thuê rừng và đất lâm nghiệp, ưu tiên giao, khoán rừng phòng hộ cho các cộng đồng, tổ chức kinh tế, hộ gia đình để quản lý bảo vệ và hưởng lợi lâu dài theo quy hoạch, kế hoạch đã duyệt.
- Tăng cường phân cấp quản lý nhà nước về rừng cho chính quyền các cấp huyện và xã. Quy định rõ trách nhiệm và quyền hạn của chủ rừng, chính quyền các cấp, các cơ quan thừa hành pháp luật và thôn xã nếu để mất rừng, phá rừng ở địa phương.
- Tăng cường năng lực và cung cấp các lực lượng kiểm lâm bảo vệ rừng để ứng phó với những vụ việc vi phạm lâm luật và thiên tai như cháy rừng, sâu bệnh hại rừng. Chủ trọng kiểm tra quá trình khai thác lâm sản tại rừng.
- Thực hiện các chính sách tạo thuận lợi cho người được giao, khoán đất và rừng thực hiện quyền sử dụng đất, sử dụng và sở hữu rừng theo quy định của pháp luật trong hoạt động sản xuất, kinh doanh phù hợp với yêu cầu của nền kinh tế hàng hóa.
- Tăng cường phổ biến, giáo dục pháp luật để nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cấp, các ngành, mỗi người dân về bảo vệ và phát triển rừng. Huy động các nguồn lực xã hội phục vụ cho quản lý rừng bền vững, bao gồm cả công tác bảo tồn và tái sinh rừng.

Mục tiêu 14.3: Đến năm 2030, tăng cường phòng, phục đất thoái hóa, bao gồm đất bị ảnh hưởng bởi hạn hán, lũ lụt và do các nguyên nhân khác.

Khuyến khích áp dụng các biện pháp canh tác, sử dụng đất bền vững trong nông nghiệp, hạn chế sử dụng hóa chất, phân bón vô cơ trong sản xuất nông nghiệp, chống xói mòn, rửa trôi, suy thoái đất.

Chủ trì: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Phối hợp: Các Sở, ban ngành; các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Chủ trì: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Phối hợp: Các Sở, ban ngành; các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Mục tiêu 14.4: Đến năm 2030, đảm bảo bảo tồn các hệ sinh thái rừng có tầm quan trọng quốc gia và quốc tế, bao gồm cả tính đa dạng sinh học và dịch vụ hệ sinh thái, phục vụ cho phát triển bền vững.

<ul style="list-style-type: none"> - Củng cố, hoàn thiện hệ thống Vườn quốc gia, khu bảo tồn. - Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động bảo vệ nghiêm ngặt rừng nguyên sinh; thực hiện các biện pháp ngăn chặn có hiệu quả tình trạng phá rừng, khai thác rừng trái phép nhằm bảo vệ rừng tự nhiên, rừng đặc dụng, rừng phòng hộ đầu nguồn. - Tiếp tục thực hiện việc chi trả dịch vụ môi trường rừng; Lồng ghép đa dạng sinh học và dịch vụ hệ sinh thái vào các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch kinh tế - xã hội của địa phương - Thực hiện tốt chính sách xã hội hóa nhằm huy động tài chính từ tất cả các nguồn phục vụ cho bảo tồn, sử dụng đa dạng sinh học và các dịch vụ hệ sinh thái một cách bền vững. 	<p>Chủ trì: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</p> <p>Phối hợp: Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và UBND các huyện, thị xã, thành phố.</p>
--	---

Mục tiêu 14.5: Đến năm 2030 thực hiện những hành động cấp thiết để ngăn chặn và tiến đến chấm dứt sự suy thoái nơi cư trú tự nhiên các hệ sinh thái, bảo vệ và ngăn chặn nguy cơ tuyệt chủng của các loài động, thực vật nguy cấp.

<ul style="list-style-type: none"> - Đẩy mạnh công tác trồng rừng, nhất là rừng đầu nguồn, rừng phòng hộ; tăng cường công tác quản lý, bảo vệ tài nguyên môi trường đối với các Vườn Quốc gia, rừng đặc dụng, khu bảo tồn thiên nhiên, khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng trên địa bàn tỉnh; ngăn chặn có hiệu quả nạn phá rừng, cháy rừng. Bảo vệ nghiêm ngặt các loại động vật hoang dã, các giống cây trồng vật nuôi, các loài được liệt quý hiếm, đặc hữu có giá trị cao về khoa học, sử dụng.... Kiểm soát, ngăn chặn sự du nhập sinh vật ngoại lai xâm hại từ các địa phương khác và nước ngoài vào địa bàn tỉnh. 	<p>Chủ trì: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</p> <p>Phối hợp: Các Sở, ban ngành có liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố.</p>
--	--

Mục tiêu 14.6: Ngăn chặn và xử lý các hành động khai thác, buôn bán và tiêu thụ trái phép các loài động, thực vật hoang dã có nguy cơ tuyệt chủng và các sản phẩm của chúng.

<ul style="list-style-type: none"> - Thúc đẩy sự tham gia rộng rãi của cộng đồng và các phương tiện thông tin đại chúng trong phát hiện, ngăn chặn các hành vi khai thác, buôn bán và tiêu thụ trái phép động, thực vật hoang dã. 	<p>Chủ trì: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Công thương</p> <p>Phối hợp: Các Sở, ban ngành; các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội</p>
--	---

<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện cơ chế phối hợp liên ngành giữa các lực lượng cảnh sát môi trường, quản lý thị trường, hải quan, kiểm lâm trong việc phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi khai thác, buôn bán, tiêu thụ trái phép động, thực vật hoang dã. - Vận động, tuyên truyền rộng rãi về việc không tiêu thụ, sử dụng sản phẩm từ động vật hoang dã trên phạm vi toàn quốc. 	<ul style="list-style-type: none"> - nghề nghiệp và UBND các huyện, thị xã, thành phố.
<p>Mục tiêu 15: Thúc đẩy xã hội hòa bình, dân chủ, công bằng, bình đẳng, văn minh vì sự phát triển bền vững, tạo khả năng tiếp cận công lý cho tất cả mọi người; xây dựng các thể chế hiệu quả, có trách nhiệm giải trình và có sự tham gia ở các cấp.</p>	
<p>Mục tiêu 15.1: Giảm đáng kể tất cả các hình thức bạo lực và tỷ lệ tử vong liên quan đến bạo lực ở mọi nơi.</p>	
<p>Chủ động phòng ngừa, kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về phòng, chống bạo lực. Tiếp tục triển khai hiệu quả chương trình hành động quốc gia về phòng, chống bạo lực gia đình đến năm 2020.</p> <p>Tham mưu cấp ủy, chính quyền huy động các lực lượng tham gia và nâng cao trách nhiệm của nhà trường- gia đình- xã hội trong việc phòng, chống bạo lực học đường.</p> <p>Tăng cường sự tham gia của các tổ chức xã hội trong việc tuyên truyền, giáo dục để phòng ngừa các hình thức bạo lực</p>	<p>Chủ trì: Công an tỉnh Phối hợp: Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố; các tổ chức xã hội</p>
<p>Mục tiêu 15.2: Phòng ngừa và giảm đáng kể tình trạng xâm hại, bóc lột, mua bán và tất cả các hình thức bạo lực và tra tấn trẻ em và người chưa thành niên.</p>	
a.	
<p>Tiếp tục thực hiện hiệu quả pháp luật, chính sách về trẻ em, đặc biệt là các chương trình chính sách về trẻ em</p> <p>Nâng cao năng lực quản lý nhà nước và tăng cường kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện chính sách, pháp luật về trẻ em ở các đơn vị, địa phương trong tỉnh</p> <p>Nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ các cấp, các ngành mà nhiệm vụ của họ có liên quan đến bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, thực hiện quyền trẻ em.</p> <p>Tăng cường hoạt động kiểm tra, giám sát và thanh tra chuyên ngành liên quan về việc thực hiện các quyền của trẻ em và các trường hợp ngược đãi, xâm hại, bạo lực, buôn bán, bóc lột và sao nhãng trẻ em; về việc thực hiện các dịch vụ phúc lợi xã hội dành cho trẻ em.</p>	<p>Chủ trì: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Phối hợp: Các Sở, ban, ngành; các tổ chức chính trị, xã hội, nghề nghiệp; UBND các huyện, thị xã, thành phố.</p>

<p>Tăng cường các hoạt động truyền thông, giáo dục, tư vấn về kiến thức, kỹ năng chăm sóc và bảo vệ trẻ em nhằm nâng cao nhận thức của xã hội; tăng cường vai trò, trách nhiệm của gia đình, cộng đồng và xã hội trong công tác bảo vệ trẻ em.</p>	
<p>b.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiếp tục triển khai hiệu quả Chương trình phòng, chống mua bán người giai đoạn 2016 - 2020. - Xử lý nghiêm, đưa ra truy tố và xét xử công khai các hành vi xâm hại, mua bán trẻ em và các vụ mua bán người; hạn chế nguy cơ phát sinh tội phạm mua bán người; kịp thời xác minh, xác định, tiếp nhận và hỗ trợ, bảo vệ nạn nhân bị mua bán, tạo điều kiện để họ hòa nhập cộng đồng - Nâng cao năng lực quản lý nhà nước và tăng cường kiểm tra, đánh giá tinh hình thực hiện pháp luật về phòng, chống mua bán người. - Nâng cao hiệu quả công tác thực thi pháp luật, xử lý nghiêm, đưa ra truy tố và xét xử công khai các hành vi xâm hại, mua bán trẻ em và các vụ án mua bán người. - Tăng cường các hoạt động truyền thông, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức của xã hội về phòng, chống mua bán người. 	<p>Chủ trì: Công an tỉnh Phối hợp: Các Sở, ban, ngành; các tổ chức chính trị, xã hội, nghề nghiệp; UBND các huyện, thị xã, thành phố.</p>
Mục tiêu 15.3: Thúc đẩy pháp quyền, đảm bảo tiếp cận công lý bình đẳng cho tất cả mọi người.	
<p>Đẩy mạnh công tác kiểm tra, rà soát, xây dựng văn bản tại địa phương nhằm góp phần xây dựng đồng bộ, bồ sung, hoàn thiện hệ thống pháp luật. Đảm bảo chấp hành đúng quy trình xây dựng pháp luật để nâng cao chất lượng hệ thống pháp luật.</p> <p>Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan liên quan để tuyên truyền pháp luật và thực hiện Luật Tiếp cận thông tin nhằm nâng cao nhận thức người dân về nhà nước pháp quyền và quyền tiếp cận công lý bình đẳng</p> <p>Thực hiện nghiêm các chính sách, pháp luật thuộc lĩnh vực chuyên ngành, không phân biệt đối xử vì sự phát triển bền vững</p> <p>Đảm bảo chấp hành mọi quy định của pháp luật nhằm phát huy tối đa vai trò giám sát của các cơ quan dân cử, của công luận và của nhân dân đối với hoạt động tư pháp</p>	<p>Chủ trì: Sở Tư pháp Phối hợp: Công an tỉnh; Tòa án nhân dân tỉnh; Viện KSND tỉnh; Sở Thông tin và Truyền thông; Đài PTTH tỉnh; các tổ chức chính trị, xã hội, nghề nghiệp; UBND các huyện, thị xã, thành phố.</p>

Mục tiêu 15.4: Đến năm 2030, giảm đáng kể các dòng vũ khí và tài chính trái phép; tăng cường phục hồi và hoàn trả tài sản bị đánh cắp, đấu tranh với tất cả các loại hình tội phạm có tổ chức.

- Tiếp tục tham mưu hoàn thiện hệ thống pháp luật về phòng, chống tội phạm; phòng, chống vi phạm pháp luật, các loại tội phạm có tổ chức, tội phạm xuyên quốc gia. Tăng cường hiệu quả công tác phối hợp phòng, chống tội phạm ở khu vực biên giới. Triển khai hiệu quả chương trình phòng chống mua bán người giai đoạn 2016-2020
- Tăng cường hiện đại hóa, nâng cao năng lực cho các lực lượng điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án hình sự và lực lượng trinh sát
- Phát động phong trào toàn dân tham gia phòng ngừa, phát hiện, tố giác tội phạm; cảm hóa giáo dục, cải tạo người phạm tội.

Chủ trì: Công an tỉnh

Phối hợp: Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Mục tiêu 15.5: Giảm đáng kể mọi loại hình tham nhũng và hối lộ.

a.

Tổ chức tuyên truyền, phổ biến và ban hành văn bản chỉ đạo toàn ngành thanh tra triển khai thực hiện các biện pháp, giải pháp cụ thể để phát hiện và xử lý tham nhũng, thu hồi tài sản sau tham nhũng

Tăng cường số lượng các cuộc thanh tra, kiểm tra và nâng cao chất lượng các cuộc thanh tra, kiểm tra nhằm phát hiện kịp thời các hành vi tham nhũng, lăng phí và xử lý nghiêm minh các vi phạm đã được phát hiện

Kiện toàn lại tổ chức bộ máy của Thanh tra tỉnh theo hướng tinh giản các phòng nghiệp vụ phù hợp chủ trương tinh giản biên chế bộ máy Thanh tra tỉnh đến năm 2020.

Mỗi năm ngành thanh tra sắp xếp, bố trí công chức, thanh tra viên ngành thanh tra tham dự các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ và thi nâng ngạch thanh tra viên của Thanh tra Chính phủ

Chủ trì: Thanh tra tỉnh

Phối hợp: Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố.

b.

Nâng cao phẩm chất đạo đức của đội ngũ công chức; công khai minh bạch tài sản của cán bộ, công chức; sớm phòng ngừa, phát hiện và xử lý người có hành vi tham nhũng và quy rõ trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân liên quan

Chủ trì: Sở Nội vụ

Phối hợp: Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố.

<p>c.</p> <p>- Tăng cường vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, nhân dân và các cơ quan thông tin đại chúng trong việc phát hiện, đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí.</p>	<p>Chủ trì: Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh</p> <p>Phối hợp: Sở Thông tin và Truyền thông; Đài PTTH tỉnh; Báo Gia Lai; các tổ chức chính trị, xã hội, nghề nghiệp</p>
<p>Mục tiêu 15.6: Xây dựng các thể chế minh bạch, hiệu quả và có trách nhiệm giải trình ở tất cả các cấp.</p>	
<p>Tuân thủ đúng quy trình xây dựng, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản pháp luật, đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, đồng bộ, thống nhất, khả thi, công khai, minh bạch, ổn định, dễ tiếp cận với chi phí tuân thủ thấp, phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của hệ thống văn bản địa phương.</p> <p>Thực hiện tổng hợp báo cáo các sở, ban, ngành, địa phương trên địa bàn về lĩnh vực quản lý. Bên cạnh đó, thường xuyên thực hiện khảo sát, lấy ý kiến thực tế của người dân</p> <p>Tổ chức thực thi pháp luật, đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, tính liên thông, gắn kết mật thiết giữa công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật.</p>	<p>Chủ trì: Sở Tư pháp</p> <p>Phối hợp: Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố.</p>
<p>Mục tiêu 15.7: Đảm bảo quá trình ra quyết định mang tính phản hồi, bao trùm, có sự tham gia của người dân và mang tính đại diện ở tất cả các cấp.</p>	
<p>a.</p> <p>Tăng cường phò biến giáo dục pháp luật, phối hợp với cơ quan có liên quan để tuyên truyền rộng rãi về quyền của công dân trong việc tham gia quản lý nhà nước và xã hội</p> <p>Đảm bảo tất cả dự thảo văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh phải được đăng tải, niêm yết, thông tin để công dân được biết để tham gia thảo luận và kiến nghị với cơ quan nhà nước về các vấn đề của cơ sở, địa phương và cả nước</p>	<p>Chủ trì: Sở Tư pháp</p> <p>Phối hợp: Các Sở, ban, ngành; các tổ chức chính trị, xã hội, nghề nghiệp; UBND các huyện, thị xã, thành phố.</p>

Mục tiêu 15.8: Đến năm 2030, cấp nhận dạng pháp lý cho tất cả mọi người, gồm cả đăng ký khai sinh.

Phối hợp với Công an tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện tốt Luật Căn cước công dân và Luật Hộ tịch, đặc biệt đối với đồng bào dân tộc thiểu số, nhóm nhập cư. Định kỳ đánh giá, tổng kết việc thực hiện 2 Luật trên và đề xuất sửa đổi Luật cho phù hợp nếu cần thiết

Tiếp tục triển khai xây dựng, áp dụng cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử tại tất cả các cơ quan đăng ký hộ tịch

Chủ trì: Sở Tư pháp

Phối hợp: Công an tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Mục tiêu 15.9: Đảm bảo mọi người dân được tiếp cận thông tin và bảo vệ các quyền tự do cơ bản theo pháp luật Việt Nam và các hiệp ước quốc tế Việt Nam đã ký kết.

Phối hợp với các cơ quan truyền thông xây dựng và triển khai các văn bản hướng dẫn thực hiện có hiệu quả Luật Tiếp cận thông tin. Tham mưu UBND tỉnh đưa nội dung tuyên truyền trên vào kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật hàng năm cho các cơ quan, tổ chức và địa phương trong tỉnh

Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền về Hiến pháp 2013, đặc biệt là các quy định về quyền con người, quyền công dân, các quy định về khiếu nại, tố cáo, quy chế dân chủ cơ sở...

Tổ chức các hội nghị phổ biến pháp luật cho các cán bộ chủ chốt các cấp và các báo cáo viên pháp luật để nâng cao nhận thức cho cán bộ, từ đó triển khai tuyên truyền tới các tầng lớp nhân dân

Chủ trì: Sở Tư pháp

Phối hợp: Các Sở, ban, ngành; các tổ chức chính trị, xã hội, nghề nghiệp; UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Mục tiêu 16: Tăng cường phương thức thực hiện và thúc đẩy đổi mới toàn cầu vì sự phát triển bền vững.

Mục tiêu 16.2: Nâng cao chất lượng và giá trị gia tăng trong xuất khẩu. Phần đầu đạt tốc độ tăng trưởng xuất khẩu trên 15.24%/năm.

- Tăng xuất khẩu sản phẩm chế biến đối với các nhóm hàng Nông - Lâm sản tận dụng các cơ hội thuận lợi về thị trường và giá cả để tăng giá trị xuất khẩu.
- Nâng cao chất lượng và giá trị gia tăng; hướng mạnh vào chế biến sâu, ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến đối với nhóm hàng nông, lâm sản.

Chủ trì: Sở Công Thương

Phối hợp: Các Sở, ban ngành; các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và UBND các huyện, thị xã, thành phố.

- Tham mưu triển khai các chính sách khuyến khích phát triển sản xuất, tạo sự đột phá trong xuất khẩu.
- Đầu tư tổ chức hệ thống nghiên cứu thị trường, tăng cường tiếp cận thông tin nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp trong hoạt động xuất khẩu.
- Đa dạng hóa thị trường xuất khẩu; cung cấp và mở rộng thị phần hàng hóa của tỉnh tại các thị trường truyền thống; tạo bước đột phá mở rộng các thị trường xuất khẩu mới có tiềm năng. Tập trung đẩy mạnh xuất khẩu vào thị trường khu vực tam giác phát triển Việt Nam - Lào - Campuchia.
- Tận dụng tốt các cơ hội mở cửa thị trường của nước ngoài và lộ trình cắt giảm thuế quan để đẩy mạnh xuất khẩu sang các thị trường đã ký Hiệp định Thương mại tự do (FTA). Triển khai đồng bộ và hiệu quả các cơ chế chính sách mà Việt Nam đã ký kết nhằm hạn chế rủi ro khi tham gia hội nhập thị trường.

Mục tiêu 16.3: Tăng cường sự gắn kết về chính sách cho phát triển bền vững.

Lồng ghép các mục tiêu phát triển bền vững đến năm 2030 vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm, hàng năm của tỉnh

Tổ chức thực hiện việc giám sát, đánh giá sự gắn kết về chính sách phát triển bền vững trên địa bàn tỉnh

Chủ trì: Sở Kế hoạch và Đầu tư

Phối hợp: Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Mục tiêu 16.5: Khuyến khích và xúc tiến quan hệ đối tác công, công - tư một cách hiệu quả, dựa trên kinh nghiệm và chiến lược nguồn lực của quan hệ đối tác

Tiếp tục kêu gọi đầu tư các dự án trọng điểm trên địa bàn tỉnh theo hình thức đối tác công tư(PPP)

Chủ trì: Sở Kế hoạch và Đầu tư

Phối hợp: Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố.